



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

# CỨU HỘ, CỨU NẠN HÀNG HẢI

## NHẬN BIẾT VỀ PHÁP LUẬT VÀ KỸ NĂNG



NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



NHÀ XUẤT BẢN  
GIAO THÔNG VẬN TẢI



CỨU HỘ, CỨU NẠN  
**HÀNG HẢI**  
NHẬN BIẾT VỀ PHÁP LUẬT  
VÀ KỸ NĂNG

# **HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN**

## **Chủ tịch Hội đồng**

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương

**LÊ MẠNH HÙNG**

## **Phó Chủ tịch Hội đồng**

Q. Giám đốc - Tổng Biên tập

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

**PHẠM CHÍ THÀNH**

## **Thành viên**

**VŨ TRỌNG LÂM**

**NGUYỄN ĐỨC TÀI**

**TRẦN THANH LÂM**

**NGUYỄN HOÀI ANH**

NGUYỄN NGỌC SÂM  
VŨ VĂN BÁI  
DƯƠNG HỒNG HẠNH  
(Sưu tầm, biên soạn)

CỨU HỘ, CỨU NẠN  
**HÀNG HẢI**  
NHẬN BIẾT VỀ PHÁP LUẬT  
VÀ KỸ NĂNG

NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

NHÀ XUẤT BẢN  
GIAO THÔNG VẬN TẢI

Hà Nội - 2019



## **LỜI NHÀ XUẤT BẢN**

Theo số liệu thống kê, hằng năm, số vụ tai nạn, sự cố đối với lực lượng tàu cá, tàu vận tải nhỏ ven biển chiếm từ 80 - 90% tổng số tai nạn, sự cố trên biển. Một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tình trạng này là do ngư dân, thuyền viên tàu vận tải nhỏ chưa được đào tạo bài bản, thiếu các kiến thức chuyên môn cũng như kiến thức cơ bản về cứu sinh, cứu nạn, nhận thức về việc tuân thủ pháp luật còn hạn chế. Mặt khác, các cơ quan quản lý tại các địa phương khi xử lý các vụ tai nạn liên quan đến tàu cá, tàu vận tải nhỏ còn lúng túng; cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn an toàn cho người dân tại các địa phương còn thiếu và yếu về nghiệp vụ. Thực tế đó đòi hỏi phải có một tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về tìm kiếm cứu nạn, an toàn đi biển thống nhất cho tất cả các đối tượng nêu trên.

Nhằm phổ biến quy định pháp luật và cung cấp những thông tin chung về tổ chức hệ thống tìm kiếm cứu nạn, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên biển; cách thức sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc, phương pháp phát và thu nhận các tín hiệu cấp cứu...

cho ngư dân và thuyền viên tàu vận tải nhỏ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Giao thông vận tải xuất bản cuốn sách ***Cứu hộ, cứu nạn hàng hải - nhận biết về pháp luật và kỹ năng***.

Hy vọng cuốn sách sẽ là một tài liệu hữu ích, cẩm nang tra cứu cần thiết và là một tài liệu hướng dẫn giúp ngư dân, thuyền viên tàu vận tải nhỏ và các đơn vị, cá nhân liên quan được trang bị những kiến thức để phòng ngừa và ứng phó một cách có hiệu quả với các tai nạn, sự cố xảy ra trên biển.

*Tháng 9 năm 2019*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**



*PHẦN I*

**QUY CHẾ**

**PHỐI HỢP TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRÊN BIỂN**  
**VÀ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg*  
*ngày 20 tháng 01 năm 2014 của*  
*Thủ tướng Chính phủ)*

*Chương 1*

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển; trách nhiệm chủ trì, phối hợp tìm kiếm, cứu nạn của Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển và các tổ chức, cá nhân.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên vùng biển Việt Nam và trong vùng nước cảng biển.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện hoạt động trên biển (sau đây viết tắt là phương tiện) bao gồm tàu thuyền, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa và các phương tiện di động và không di động trên biển.

2. Chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc quản lý, khai thác sử dụng phương tiện.

3. Tìm kiếm trên biển là việc sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để xác định vị trí người, phương tiện bị nạn.

4. Cứu nạn trên biển là các hoạt động cứu người bị nạn thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng của họ, bao gồm cả tư vấn biện pháp y tế ban đầu hoặc các biện pháp khác để đưa người bị nạn đến vị trí an toàn.

5. Cứu hộ trên biển là hoạt động cứu tàu thuyền hoặc tài sản trên tàu thuyền thoát khỏi nguy hiểm hoặc hoạt động cứu trợ (bao gồm cả việc kéo, đẩy) tàu thuyền đang bị nguy hiểm trên biển, được thực hiện thông qua giao kết hợp đồng cứu hộ giữa tổ chức, cá nhân thực hiện việc cứu hộ với tổ chức, cá nhân đề nghị cứu hộ.

6. Lai dắt tàu thuyền là việc lai, kéo, đẩy (hoặc túc trực bên cạnh) tàu thuyền trên biển và trong vùng nước cảng biển, được thực hiện thông qua giao kết hợp đồng lai dắt giữa chủ tàu thuyền lai dắt và bên thuê lai dắt.

7. Kênh cấp cứu - khẩn cấp (còn gọi là tần số Cấp cứu - Khẩn cấp) là kênh thông tin Cấp cứu - Khẩn cấp phục vụ công tác tìm kiếm, cứu nạn và các hoạt động công ích, nhân đạo khác có liên quan.

8. Tình huống tìm kiếm, cứu nạn trên biển là những sự cố do thiên tai, thảm họa, tai nạn gây ra trên biển có nguy cơ hoặc thực tế đang đe dọa, gây hậu quả tổn thất về người cần thiết phải có các biện pháp ứng phó kịp thời, thích hợp để giảm tới mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra.

9. Vùng biển Việt Nam là vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam bao gồm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

10. Vùng nước cảng biển là vùng nước thuộc quyền quản lý của Cảng vụ hàng hải được cơ quan có thẩm quyền công bố, bao gồm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác.

11. Khu vực hạn chế hoạt động trên biển là khu vực được xác lập bởi các tọa độ trên hải đồ, thuộc lãnh hải Việt Nam nhằm bảo vệ môi trường, trục vớt, tìm kiếm, cứu nạn hoặc diễn tập quân sự.

12. Vùng cấm trên biển là vùng được xác định bằng tọa độ trên hải đồ, thuộc lãnh hải Việt Nam

để bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, ngăn ngừa thảm họa môi trường và dịch bệnh.

13. Chỉ huy hiện trường tìm kiếm, cứu nạn (sau đây gọi tắt là Chỉ huy hiện trường) là người điều phối hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn, duy trì liên lạc giữa hiện trường với Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn và thực hiện các chỉ dẫn của Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn để thực hiện hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn tại hiện trường.

14. Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn trên biển là cơ quan chịu trách nhiệm điều phối các hoạt động tìm kiếm cứu nạn trong một vùng hoặc khu vực biển.

15. Đơn vị tìm kiếm, cứu nạn chuyên trách là đơn vị gồm những người được đào tạo và được cung cấp trang thiết bị phù hợp cho việc tiến hành khẩn trương các hoạt động tìm kiếm và cứu nạn.

16. Đơn vị phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển là các cơ quan, tổ chức theo yêu cầu của cơ quan chủ trì hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phải điều động lực lượng, phương tiện thuộc quyền tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn.

#### **Điều 4. Nguyên tắc phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển**

1. Phối, kết hợp mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả của hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển; ưu tiên các hoạt động để cứu người bị nạn và bảo vệ môi trường.

2. Chủ động, sẵn sàng lực lượng cho hoạt động ứng phó theo từng khu vực, tính chất vụ việc.

3. Đảm bảo thông tin cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn; ưu tiên tiếp nhận, xử lý thông tin tìm kiếm, cứu nạn; báo cáo kịp thời đến cấp có thẩm quyền khi xét thấy tình huống vượt quá khả năng của lực lượng ứng cứu.

4. Chỉ huy thống nhất, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng, tàu thuyền hoạt động trên biển tham gia tìm kiếm, cứu nạn.

5. Đảm bảo an toàn cho người, tàu thuyền tham gia tìm kiếm, cứu nạn.

## **Điều 5. Lực lượng, phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển**

1. Lực lượng, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn chuyên trách trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, các đơn vị tìm kiếm, cứu nạn chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thuộc các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân.

2. Lực lượng, phương tiện thuộc quyền quản lý, sử dụng của Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa, Ban quản lý cảng cá; lực lượng, phương tiện của Công an, Quân đội, của các tổ chức, cá nhân tại địa phương và của các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương.

3. Lực lượng, phương tiện khác hoạt động trên biển và trong vùng nước cảng biển.

4. Lực lượng, phương tiện, thiết bị bảo đảm thông tin liên lạc, cấp cứu y tế và các bảo đảm khác cho hoạt động tìm kiếm, cứu nạn.

5. Lực lượng, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn của nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho phép.

**Điều 6. Phân vùng trách nhiệm chủ trì phối hợp tìm kiếm, cứu nạn người, phương tiện hoạt động trên biển và trong vùng nước cảng biển**

1. Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam chủ trì phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên vùng biển Việt Nam, trừ vùng nước cảng biển, vùng cấm và vùng hạn chế trên biển.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển chủ trì phối hợp tìm kiếm cứu nạn trong khu vực thuộc địa bàn quản lý, trừ vùng nước cảng biển, vùng cấm và vùng hạn chế do Bộ Quốc phòng công bố.

3. Cảng vụ Hàng hải chủ trì phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

4. Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trong vùng cấm và vùng hạn chế trên biển.

5. Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn chủ trì, huy động lực lượng, phương tiện của các bộ, ngành, địa phương tham gia phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trong trường hợp vị trí của người, phương tiện bị

nạn không xác định; nằm trong vùng giáp ranh với quốc gia khác và trên vùng biển Việt Nam trong trường hợp tình huống vượt khả năng ứng phó của các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

### **Điều 7. Diễn tập phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển**

1. Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức diễn tập phối hợp tìm kiếm, cứu nạn cấp quốc gia và với lực lượng, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn nước ngoài trên vùng biển Việt Nam.

2. Hàng năm cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn xây dựng kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức huấn luyện, diễn tập trong vùng trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển quy định tại Điều 6 Quy chế này.

### **Điều 8. Thanh toán chi phí tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển**

1. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển do ngân sách nhà nước cấp.

2. Nguồn kinh phí thanh toán, hỗ trợ chi phí tìm kiếm, cứu nạn được lấy từ nguồn ngân sách hàng năm cho công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn và các nguồn hợp pháp khác của bộ, ngành, địa phương.

## *Chương 2*

# **THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRÊN BIỂN VÀ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN**

### **Điều 9. Hệ thống thông tin tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển**

1. Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam bao gồm cả vô tuyến mặt đất và vô tuyến vệ tinh.

2. Hệ thống các đài thông tin trực canh của Bộ đội Biên phòng ven biển, hệ thống radar biển.

3. Hệ thống quan sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản.

4. Các hệ thống thông tin chuyên ngành khác, các loại hình thông tin khác của các tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển.

5. Hệ thống thông tin tìm kiếm, cứu nạn hàng không.

### **Điều 10. Quy định về thông tin liên lạc trong tìm kiếm, cứu nạn trên biển**

1. Sử dụng các kênh (tần số) trực canh, thông tin liên lạc và cấp cứu - khẩn cấp trên biển bằng vô tuyến điện thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Nội dung điện cấp cứu - khẩn cấp cần có đủ thông tin giúp cho Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn hoặc phương tiện đang hoạt động trên biển



gần khu vực bị nạn biết tình huống tai nạn, sự cố để chuẩn bị phương án hỗ trợ hoặc tìm kiếm, cứu nạn, bao gồm:

- a) Tên phương tiện bị nạn, hô hiệu, mã nhận dạng hàng hải (MMSI) hoặc nhận dạng khác;
- b) Thời gian và vị trí bị nạn;
- c) Tính chất tai nạn;
- d) Yêu cầu trợ giúp cứu người gặp nạn hoặc lai dắt, cứu hộ phương tiện và các yêu cầu khác (nếu có);
- đ) Tên, địa chỉ và các phương thức liên lạc với chủ phương tiện hoặc với đại diện của chủ phương tiện;
- e) Các thông tin hữu ích khác: số lượng và tình trạng sức khỏe thuyền viên, người trên phương tiện; tình hình thời tiết, cấp sóng, gió tại khu vực bị nạn; tần số, thiết bị thông tin, thiết bị phao cứu sinh.

## **Điều 11. Trách nhiệm phát và tiếp nhận tín hiệu cấp cứu - khẩn cấp**

1. Người, phương tiện bị nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển

Người, phương tiện bị nạn hoặc có nguy cơ bị nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển cần trợ giúp, trừ trường hợp bất khả kháng phải phát thông tin cấp cứu - khẩn cấp theo quy định sau:

- a) Thông báo cho Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam hoặc Hệ thống đài trực canh của Bộ đội Biên phòng hoặc Hệ thống quan sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản, hoặc các phương tiện đang

hoạt động trên biển gần khu vực bị nạn biết để yêu cầu trợ giúp;

b) Trong trường hợp đề nghị lai dắt, cứu hộ, ngoài nội dung nêu tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này, cần thông báo thêm các thông số kỹ thuật của phương tiện cần lai dắt, cứu hộ để xác định phương án lai dắt, cứu hộ như: trọng tải, chiều dài, chiều rộng, mớn nước của phương tiện;

c) Bảo đảm việc duy trì liên lạc với người, cơ quan, tổ chức đã liên lạc để thực hiện việc tìm kiếm, cứu nạn, trợ giúp (thông qua Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam hoặc trực tiếp);

d) Báo cáo kịp thời theo nội dung yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền tìm kiếm, cứu nạn trên biển và của lực lượng, phương tiện đến tìm kiếm, cứu nạn;

đ) Trường hợp đã loại trừ được nguy hiểm gây ra đối với người, phương tiện của mình phải thông báo ngay cho người, cơ quan, tổ chức đã thông tin cấp cứu - khẩn cấp để dừng việc cứu nạn.

2. Thuyền trưởng phương tiện hoạt động trên biển và trong vùng nước cảng biển

a) Trường hợp phát hiện hay nhận được tín hiệu cấp cứu - khẩn cấp gần khu vực đang hoạt động, phải có trách nhiệm đến cứu giúp người gặp nạn nếu không ảnh hưởng đến an toàn người, phương tiện của mình;

b) Thông báo cho Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam biết việc tham gia tìm kiếm, cứu nạn của mình;

c) Trường hợp không thể tham gia cứu người gặp nạn (do mất an toàn về người, phương tiện của mình hoặc đang thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp khác) phải thông báo cho Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực biết.

3. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện hoặc nhận được thông tin người, phương tiện bị nạn phải thông báo kịp thời cho các cơ quan, lực lượng có trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn biết để xử lý. Người cung cấp thông tin báo nạn phải chịu trách nhiệm về độ trung thực của thông tin báo nạn.

4. Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam và các Hệ thống đài thông tin tìm kiếm, cứu nạn của các bộ, ngành, địa phương tổ chức trực 24/24 giờ để tiếp nhận thông tin cấp cứu - khẩn cấp trên biển và báo cáo cho cơ quan, tổ chức có trách nhiệm về tìm kiếm, cứu nạn.

5. Các cơ quan được giao nhiệm vụ về tìm kiếm, cứu nạn tổ chức trực 24/24 giờ để tiếp nhận và xử lý thông tin; chuẩn bị phương án và tiến hành tìm kiếm, cứu nạn.

## **Điều 12. Quy định về phát thông tin người, phương tiện đang gặp nguy hiểm trên biển**

1. Thông tin về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn người, phương tiện đang gặp nguy hiểm trên biển do Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam phát trên tần số và theo phương thức quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Nội dung thông tin cảnh báo hàng hải về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn do cơ quan chủ trì phối hợp tìm kiếm cứu nạn quyết định.

3. Việc dừng phát thông tin tìm kiếm, cứu nạn do cơ quan chủ trì phối hợp tìm kiếm cứu nạn quyết định.

### **Điều 13. Phát tin cảnh báo và thông báo các biện pháp phòng tránh thiên tai, thảm họa trên biển**

1. Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam, Trung tâm thông tin Tổng cục Thủy sản tổ chức phát tin cảnh báo cho người, phương tiện hoạt động trên biển biết để chủ động có biện pháp phòng tránh thiên tai, thảm họa trong khu vực bị ảnh hưởng trên biển:

a) Phát các bản tin về áp thấp nhiệt đới, bão theo quy định của pháp luật về báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ;

b) Phát thông tin về động đất, cảnh báo sóng thần trên biển theo quy định của pháp luật về báo tin động đất, cảnh báo sóng thần;

c) Phát các thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai trên biển theo Quy chế thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai trên biển hiện hành;

d) Phát thông báo khu vực hạn chế hoạt động trên biển theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thiết lập khu vực hạn chế hoạt động trên biển;

đ) Phát thông báo các biện pháp phòng tránh thiên tai, thảm họa trong khu vực bị ảnh hưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về tìm kiếm, cứu nạn;

e) Việc dừng phát tin cảnh báo hoặc thông báo các biện pháp phòng tránh thiên tai, thảm họa trên biển do cơ quan có thẩm quyền đề nghị phát quyết định.

2. Các phương tiện thông tin đại chúng căn cứ chức năng, nhiệm vụ phát tin cảnh báo về thiên tai, thảm họa trên biển.

### *Chương 3*

## **TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRÊN BIỂN**

### **Điều 14. Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn tại hiện trường trên biển**

1. Thuyền trưởng phương tiện hoạt động trên biển có trách nhiệm:

a) Tham gia cứu người bị nạn trên biển khi phát hiện hay nhận được tín hiệu cấp cứu - khẩn cấp gần khu vực đang hoạt động, nếu không mất an toàn cho người, phương tiện của mình. Đồng thời thông báo cho Cơ quan chủ trì về tìm kiếm, cứu nạn và tổ chức, cá nhân liên quan biết việc tham gia tìm kiếm, cứu nạn của mình;

b) Chấp hành lệnh điều động tham gia tìm kiếm, cứu nạn khi được cơ quan có thẩm quyền về tìm kiếm, cứu nạn trên biển huy động;

c) Tham gia hỗ trợ, cứu hộ phương tiện gặp nạn theo quy định.

2. Thuyền trưởng phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn có trách nhiệm:

a) Liên lạc với người, phương tiện bị nạn nắm tình hình, thống nhất cách thức, tần số liên lạc, biện pháp duy trì liên lạc với người, phương tiện bị nạn;

b) Trường hợp hai bên đã thống nhất được biện pháp hỗ trợ, lai dắt, cứu hộ hoặc cứu nạn mà không cần sự hỗ trợ thêm phải báo Cơ quan chủ trì về tìm kiếm, cứu nạn biết để dừng việc hỗ trợ, cứu nạn;

c) Trường hợp cần sự hỗ trợ thêm, phải thông báo cho Cơ quan chủ trì về tìm kiếm, cứu nạn những đề nghị hỗ trợ, giúp đỡ cần thiết;

d) Thuyền trưởng phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn phải thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chỉ huy hiện trường và có trách nhiệm thông tin, báo cáo cho Chỉ huy hiện trường.

3. Chỉ huy hiện trường

a) Trường hợp có một phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn thì thuyền trưởng phương tiện là Chỉ huy hiện trường. Khi có hai hoặc nhiều phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn thì Chỉ huy hiện trường sẽ do Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn chỉ định;

b) Chỉ huy hiện trường có trách nhiệm

Phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn tại hiện trường giữa phương tiện đến tìm kiếm, cứu nạn

với người, phương tiện bị nạn và với Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn.

Duy trì thông tin liên lạc giữa phương tiện đến tìm kiếm, cứu nạn với người, phương tiện bị nạn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phương tiện tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn; thường xuyên báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn tại hiện trường với Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn.

Thực hiện các chỉ dẫn, yêu cầu về tìm kiếm, cứu nạn tại hiện trường của Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn.

Báo cáo, đề xuất với Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn việc bổ sung, thay đổi kế hoạch hoạt động tìm kiếm, cứu nạn cho phù hợp với điều kiện thực tế hay việc dừng, chấm dứt hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển. Việc thay đổi kế hoạch hoạt động tìm kiếm, cứu nạn phải được Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn chấp thuận.

Trong trường hợp khẩn cấp và không thể liên lạc được với Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn được quyền điều chỉnh kế hoạch hành động tìm kiếm, cứu nạn cho phù hợp với tình hình thực tế, sau đó phải báo cáo với Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn trong thời gian ngắn nhất.

4. Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn có trách nhiệm:

a) Tổ chức nắm bắt tình hình về tai nạn, sự cố để đưa ra phương án tổ chức, điều động hoặc kiến

ng nghị điều động lực lượng, phương tiện đến ứng phó kịp thời và hiệu quả;

b) Yêu cầu Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam phát thông tin tìm kiếm, cứu nạn về người, phương tiện đang gặp nguy hiểm trên biển; dừng phát khi đã kết thúc tình huống cấp cứu - khẩn cấp; duy trì thông tin liên lạc với Chỉ huy hiện trường, chỉ đạo hoạt động tìm kiếm, cứu nạn;

c) Hướng dẫn người, phương tiện bị nạn, thuyền trưởng phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn; Chỉ huy hiện trường tùy theo từng tình huống và diễn biến của vụ việc để nắm, xử lý thông tin, đưa ra chỉ dẫn, biện pháp hỗ trợ, cứu nạn kịp thời;

d) Trực tiếp điều động lực lượng, phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn khi cần thiết; kiến nghị các cấp có thẩm quyền trực tiếp về tìm kiếm, cứu nạn để huy động lực lượng, phương tiện đến ứng phó khi vượt khả năng ứng phó của mình;

đ) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan khác để tiến hành và giải quyết hậu quả vụ tìm kiếm, cứu nạn.

5. Đơn vị phối hợp tìm kiếm, cứu nạn có trách nhiệm:

a) Chấp hành lệnh điều động lực lượng, phương tiện của cơ quan có thẩm quyền tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn;

b) Phối hợp với các đơn vị tìm kiếm, cứu nạn khác trong việc điều hành phương tiện tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển dưới sự điều



hành của đơn vị chủ trì tìm kiếm, cứu nạn. Kịp thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền biết những thông tin liên quan đến hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

6. Chủ phương tiện hoạt động trên biển có trách nhiệm:

a) Chấp hành nghiêm lệnh điều động của cơ quan có thẩm quyền trong việc điều động phương tiện của mình tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển;

b) Chấp hành lệnh của cơ quan có thẩm quyền về tìm kiếm, cứu nạn để bảo đảm an toàn sinh mạng cho người, thuyền viên trên biển trong trường hợp tiến hành lai dắt hay cứu hộ phương tiện của mình.

7. Doanh nghiệp bảo hiểm đã bán bảo hiểm cho phương tiện bị nạn trên biển có trách nhiệm:

a) Phối hợp và cung cấp tài liệu, hồ sơ và thông tin liên quan đến người, phương tiện được bảo hiểm theo nội dung yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tìm kiếm, cứu nạn khi tiến hành cứu nạn và giải quyết vụ việc;

b) Chấp hành lệnh của cơ quan có thẩm quyền tìm kiếm, cứu nạn để bảo đảm an toàn sinh mạng cho người, thuyền viên trên biển trong trường hợp phối hợp với chủ phương tiện tiến hành lai dắt hay cứu hộ phương tiện.

### **Điều 15. Phối hợp trong lai dắt, cứu hộ phương tiện bị nạn trên biển**

1. Việc lai dắt, cứu hộ phương tiện đang gặp nạn trên biển thoát khỏi nguy hiểm thực hiện theo các quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

2. Trường hợp có nguy cơ gây mất an toàn cho người khi lai dắt, cứu hộ, thuyền trưởng phương tiện bị nạn và phương tiện cứu hộ phải phát tín hiệu tìm kiếm, cứu nạn quy định tại Điều 10 Quy chế này.

3. Trường hợp tàu biển bị tai nạn hoặc hư hỏng máy móc, thiết bị phải thả trôi trên biển có nguy cơ đâm va, mắc cạn gây hậu quả nghiêm trọng đối với người, phương tiện, hàng hóa hoặc ô nhiễm môi trường mà chủ tàu chưa có biện pháp xử lý kịp thời, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức đưa tàu vào vị trí an toàn. Chủ tàu phải thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh có liên quan kể cả trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình đưa tàu đến vị trí an toàn.

4. Trường hợp cấp thiết cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn có quyền yêu cầu người, thuyền viên phải rời khỏi phương tiện bị nạn để bảo đảm an toàn tính mạng.

5. Trong trường hợp khẩn cấp, việc điều động phương tiện chuyên dùng tìm kiếm, cứu nạn, phương tiện quân sự hoặc công vụ tham gia hoạt động cứu hộ do cấp có thẩm quyền quyết định.

## **Điều 16. Phối hợp sử dụng tàu bay tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển**

1. Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn chủ trì điều động tàu bay tìm kiếm, cứu nạn; xác định hoặc chỉ đạo Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam xác định khu vực tìm kiếm cứu nạn; chỉ đạo doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu lập kế hoạch bay tìm kiếm và thông báo kế

hoạch bay tìm kiếm cho Trung tâm quản lý điều hành bay quốc gia.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu xây dựng kế hoạch bay tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

3. Tàu bay tham gia tìm kiếm, cứu nạn phải thông báo kết quả quan sát, tìm kiếm về cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn hàng không và Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam.

4. Việc chỉ huy cứu nạn bằng tàu bay tại hiện trường trên biển do Chỉ huy hiện trường tìm kiếm, cứu nạn trên biển đảm nhiệm.

5. Theo yêu cầu của cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu yêu cầu các tàu bay dân dụng đang hoạt động trong khu vực tìm kiếm, cứu nạn tham gia vào việc tìm kiếm, cứu nạn.

6. Tàu bay của Việt Nam tham gia tìm kiếm, cứu nạn ngoài vùng trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn của Việt Nam hoặc tàu bay nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn trong vùng trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn của Việt Nam thực hiện theo Thỏa thuận song phương về tìm kiếm, cứu nạn giữa hai quốc gia.

## **Điều 17. Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn tàu bay bị nạn trên biển**

1. Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn chủ trì phối hợp tìm kiếm cứu nạn tàu bay dân dụng bị nạn trên biển.

2. Trường hợp tàu bay dân dụng lâm nguy, lâm nạn trên biển, Trung tâm phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu phải:

a) Báo cáo Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn và Bộ Giao thông vận tải để xin ý kiến chỉ đạo;

b) Phối hợp với Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam để thống nhất kế hoạch hiệp đồng giữa các lực lượng, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn hàng không và hàng hải;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức tìm kiếm, cứu nạn tàu bay bị nạn trên biển.

**Điều 18. Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trong vùng trách nhiệm chung, khu vực ranh giới về tìm kiếm, cứu nạn trên biển với quốc gia khác và trên vùng biển của quốc gia khác**

1. Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam và cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn hàng không lập các kênh thông tin trực tiếp với Trung tâm tìm kiếm, cứu nạn tương ứng của các quốc gia cần tổ chức phối hợp tìm kiếm, cứu nạn để:

a) Trao đổi thông tin về tình huống tìm kiếm, cứu nạn: Tình hình, số lượng người, phương tiện gặp nạn; lực lượng, phương tiện của mỗi quốc gia trong tham gia tìm kiếm, cứu nạn;

b) Xác định trách nhiệm, phân công phạm vi tìm kiếm, cứu nạn của mỗi bên; các nội dung phối hợp;

tần số và cách thức liên lạc của lực lượng tìm kiếm, cứu nạn;

c) Tổ chức tìm kiếm, cứu nạn theo phạm vi đã phân công.

2. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn phối hợp với Bộ Ngoại giao và thông qua Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam đề nghị cơ quan có thẩm quyền của quốc gia có chung ranh giới đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam vào phối hợp tìm kiếm, cứu nạn tại vùng trách nhiệm chung, khu vực ranh giới để cứu người, phương tiện bị nạn.

3. Trường hợp cần đưa lực lượng, phương tiện của Việt Nam thực hiện tìm kiếm, cứu nạn tại vùng biển của quốc gia khác, Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan đề nghị quốc gia đó cấp phép để phối hợp thực hiện.

### **Điều 19. Phối hợp với người, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên vùng biển Việt Nam**

1. Trường hợp có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia khác đưa người, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn của nước ngoài vào tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên vùng biển Việt Nam, Bộ Ngoại giao là đầu mối tiếp nhận yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đưa lực lượng, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn vào Việt Nam tham gia tìm kiếm, cứu nạn và chuyển cho cơ quan có

thẩm quyền làm thủ tục cấp phép theo quy định tại Nghị định số 95/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về cấp phép và phối hợp hoạt động với lực lượng tìm kiếm, cứu nạn nước ngoài tại Việt Nam.

2. Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam là đầu mối phối hợp trong tìm kiếm, cứu nạn trên biển, thông báo các yêu cầu, điều kiện cụ thể theo quy định của Việt Nam và biện pháp, cách thức phối hợp với các lực lượng, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn nước ngoài khi hoạt động trên vùng biển Việt Nam.

3. Người, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn của nước ngoài vào tham gia tìm kiếm, cứu nạn trong vùng tìm kiếm, cứu nạn trên biển của Việt Nam phải:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và có trách nhiệm thông tin, báo cáo kịp thời theo nội dung yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam;

b) Thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn theo sự điều phối chung của chỉ huy tìm kiếm, cứu nạn Việt Nam tại hiện trường và cơ quan có thẩm quyền tìm kiếm, cứu nạn của Việt Nam.

## **Điều 20. Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn ngư dân, tàu cá trên biển**

1. Tàu biển, tàu cá và tàu thuyền khác hoạt động trên biển có trách nhiệm tham gia phối hợp

tìm kiếm, cứu nạn ngư dân, tàu cá khi bị nạn.

2. Tàu thuyền của tổ chức, cá nhân khi hoạt động trên biển, phát hiện hoặc nhận được thông tin về ngư dân, tàu cá bị nạn phải thông báo ngay cho một trong các cơ quan sau đây để tổ chức phối hợp tìm kiếm, cứu nạn:

- a) Cảng vụ hàng hải;
- b) Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam;
- c) Đồn, trạm của Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển nơi gần nhất;
- d) Lực lượng Kiểm ngư;
- đ) Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam;
- e) Ban Chỉ huy phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Tàu cá của các tổ, đội sản xuất hoạt động trên biển phát hiện tàu cá của tổ, đội mình bị nạn, trước tiên phải chủ động tiến hành hoạt động cứu nạn hoặc huy động các tàu cá của các địa phương khác hoạt động gần vị trí tàu bị nạn trợ giúp; đồng thời thông báo cho chủ tàu bị nạn và các cơ quan chức năng của địa phương biết để sẵn sàng tổ chức tìm kiếm, cứu nạn.

4. Trường hợp tình huống vượt quá khả năng của mình, lực lượng tham gia tìm kiếm, cứu nạn phải báo cáo ngay Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn để huy động lực lượng, phương tiện tham gia cứu hộ, cứu nạn.

## *Chương 4*

# **TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN**

### **Điều 21. Cảng vụ hàng hải**

1. Giám đốc Cảng vụ hàng hải chủ trì huy động mọi lực lượng, trang thiết bị của cảng, tàu thuyền và các phương tiện khác hiện có trong khu vực cảng biển thuộc khu vực quản lý của mình để tìm kiếm cứu nạn đối với người và phương tiện bị nạn.

2. Chỉ định Chỉ huy hiện trường tìm kiếm, cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

3. Tổ chức điều tiết giao thông, thông báo về tai nạn hàng hải; phân luồng hàng hải; tạm thời cấm tàu thuyền hành trình qua khu vực đang tiến hành hoạt động tìm kiếm, cứu nạn.

4. Chủ trì, điều hành hoạt động tìm kiếm, cứu nạn; báo cáo cơ quan cấp trên, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương huy động lực lượng, phương tiện hỗ trợ khi gặp tình huống vượt quá khả năng của các lực lượng trong vùng nước cảng biển.

5. Lập danh bạ điện thoại, các kênh (tần số) và phương thức liên lạc cung cấp cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Quy chế, phương án phối



hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

**Điều 22. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Quyết định huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của các cơ quan, đơn vị tại địa phương và của các cơ quan trung ương đóng tại địa phương tham gia tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển theo đề nghị của Giám đốc Cảng vụ hàng hải.

2. Quản lý mọi hoạt động tàu cá của địa phương mình thông qua các cơ quan chức năng tại địa phương và các chủ tàu cá; chủ động điều động tàu cá tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn.

3. Kiến nghị với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn chỉ đạo, giải quyết trong trường hợp tình huống vượt quá khả năng của các lực lượng tại địa phương.

**Điều 23. Tổ chức, cá nhân quản lý phương tiện thủy đóng tại địa phương**

1. Trong trường hợp có thể phải nhanh chóng điều động lực lượng, phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn trong vùng nước cảng biển theo đề nghị của Giám đốc Cảng vụ hàng hải.

2. Chỉ đạo các phương tiện tham gia phối hợp triển khai phương án, kế hoạch tìm kiếm, cứu nạn dưới sự điều hành của Cảng vụ hàng hải.

3. Phối hợp với Cảng vụ hàng hải xây dựng Quy chế, phương án phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

## **Điều 24. Tổ chức, cá nhân có người, phương tiện bị nạn trong vùng nước cảng biển**

Tổ chức, cá nhân có người, phương tiện bị nạn hoặc có nguy cơ bị nạn trong vùng nước cảng biển cần trợ giúp có trách nhiệm:

1. Thông báo cho Cảng vụ hàng hải, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ đội Biên phòng cửa khẩu và Hệ thống đài thông tin duyên hải về thời gian, vị trí, số người bị nạn và tình trạng sức khỏe, tình trạng phương tiện.

2. Bảo đảm việc duy trì liên lạc với Cảng vụ hàng hải để thực hiện việc tìm kiếm, cứu nạn, trợ giúp.

3. Báo cáo kịp thời theo nội dung yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền tìm kiếm, cứu nạn trong vùng nước cảng biển và của lực lượng, phương tiện đến tìm kiếm, cứu nạn.

4. Trường hợp đã loại trừ được nguy hiểm gây ra đối với người, phương tiện của mình phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải để dừng việc cứu nạn.

### *Chương 5*

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**

### **Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn**

1. Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch quốc gia về tìm kiếm, cứu nạn trên biển,

xây dựng các phương án phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trong các tình huống dự kiến trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chủ trì điều động các lực lượng, phương tiện của các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức và cá nhân tham gia tìm kiếm cứu nạn trên biển khi tình huống xảy ra vượt quá khả năng của lực lượng tìm kiếm cứu nạn chuyên nghiệp, bộ, ngành, địa phương.

3. Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan trong việc cấp phép và phối hợp với lực lượng, phương tiện của nước ngoài thực hiện việc tìm kiếm, cứu nạn tại vùng biển của Việt Nam và tổ chức theo dõi giám sát việc thực hiện.

4. Định kỳ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển của các lực lượng thuộc bộ, ngành, địa phương và báo cáo đột xuất khi có tình huống.

## **Điều 26. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt bão Trung ương**

1. Chỉ đạo các biện pháp phòng tránh bão, áp thấp nhiệt đới trên biển.

2. Phối hợp với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn trong việc huy động lực lượng, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn khi có người, phương tiện bị nạn trên biển do bão, áp thấp nhiệt đới trên biển gây ra.

## **Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**

1. Phối hợp với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn xây dựng phương án kết hợp việc sử dụng lực lượng,

phương tiện của Hải quân, Không quân, Biên phòng, Cảnh sát biển và các lực lượng khác của Quân đội trong thực hiện nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng gắn với việc sẵn sàng trực và tham gia tìm kiếm, cứu nạn theo địa bàn hoạt động trên biển.

2. Điều động lực lượng, phương tiện Quân đội tham gia phối hợp tìm kiếm, cứu nạn đối với phương tiện, tàu thuyền thuộc quyền quản lý của Quân đội hoặc theo yêu cầu của cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Ngoại giao trong việc cấp phép cho lực lượng, phương tiện quân sự của nước ngoài thực hiện việc tìm kiếm, cứu nạn trên vùng biển Việt Nam; lực lượng tìm kiếm cứu nạn hàng hải nước ngoài vào tìm kiếm cứu nạn trong khu vực cấm trên biển của Việt Nam, đồng thời báo cáo Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn.

4. Thông tin, báo cáo Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển của lực lượng quốc phòng theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan quy định thời hạn, phạm vi cụ thể đối với khu vực cấm trên biển của Việt Nam và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

## **Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Phối hợp với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn xây dựng phương án kết hợp việc sử dụng lực

lượng, phương tiện của các đơn vị Cảnh sát đường thủy, Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác của Công an trong việc thực hiện nhiệm vụ của Bộ Công an gắn với việc sẵn sàng trực và tham gia tìm kiếm, cứu nạn theo địa bàn hoạt động trên biển và chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Điều động lực lượng, phương tiện Công an tham gia phối hợp tìm kiếm, cứu nạn đối với phương tiện, tàu thuyền thuộc quyền quản lý của Công an hoặc theo yêu cầu của cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn.

3. Thông tin, báo cáo với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển của lực lượng Công an theo quy định.

## **Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải**

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển xây dựng và triển khai các phương án kết hợp việc sử dụng lực lượng, phương tiện của các chuyên ngành Hàng hải, Hàng không, Đường thủy nội địa thuộc Bộ kết hợp việc thực hiện nhiệm vụ của mình với việc sẵn sàng tham gia trực và tìm kiếm, cứu nạn trên biển và ven biển.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn chỉ đạo hệ thống tìm kiếm, cứu nạn hàng hải, hàng không tổ chức tốt việc điều phối

hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển. Tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không dân dụng và Quy chế phối hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ huy động lực lượng, phương tiện của mình tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển khi có tình huống xảy ra đối với tàu bay, tàu biển; điều động lực lượng tìm kiếm cứu nạn thuộc Bộ tham gia phối hợp tìm kiếm cứu nạn phương tiện, tàu thuyền của bộ, ngành khác và địa phương theo yêu cầu của Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn.

4. Cấp phép cho lực lượng, phương tiện tìm kiếm cứu nạn hàng hải của nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên vùng biển Việt Nam sau khi thống nhất Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, đồng thời báo cáo Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn.

5. Thông báo các tần số (kênh) trực canh, cấp cứu - khẩn cấp của Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam, các phương thức liên lạc với Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải, Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không cho các phương tiện hoạt động trên biển, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong nước và nước ngoài biết để thông tin, phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

6. Thông tin, báo cáo Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn

trên biển của các lực lượng, phương tiện thuộc Bộ theo quy định.

7. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân và chủ phương tiện hoạt động trên biển và trong vùng nước cảng biển về những quy định pháp luật liên quan đến công tác an toàn hàng hải và tìm kiếm, cứu nạn.

### **Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ huy động lực lượng, phương tiện kiểm ngư và chuyên ngành thủy sản tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển khi có tình huống xảy ra đối với phương tiện, tàu thuyền thuộc ngành thủy sản; điều động lực lượng, phương tiện thuộc Bộ tham gia phối hợp tìm kiếm cứu nạn phương tiện, tàu thuyền của bộ, ngành khác và địa phương theo yêu cầu của Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn.

2. Ban hành các quy định về trang thiết bị thông tin liên lạc cho các tàu cá hoạt động xa bờ.

3. Chỉ đạo các Ban Chỉ huy phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển tổ chức trực 24/24 để tiếp nhận, xử lý thông tin tìm kiếm, cứu nạn.

4. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh làm tốt công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá của ngư dân; ban hành Quy chế phối hợp cứu hộ, cứu nạn và cơ chế, chính sách đối với hoạt động tìm kiếm, cứu nạn ngư dân, tàu cá trên biển

và trong vùng nước cảng biển, đồng thời tuyên truyền, phổ biến cho các ngư dân về nội dung của Quy chế.

5. Phối hợp với các bộ, ngành trong việc chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu về quản lý hoạt động cứu hộ, cứu nạn tàu cá trong vùng nước cảng biển và trên vùng biển Việt Nam.

6. Thông tin, báo cáo Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển của Bộ theo quy định.

### **Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo dõi và phát các tin về áp thấp nhiệt đới, bão, thông tin về động đất, cảnh báo sóng thần trên biển.

2. Chỉ đạo Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia phối hợp với đài thông tin duyên hải trong việc cung cấp kịp thời các thông tin về thời tiết, khí tượng thủy văn để phát thông tin cảnh báo cho tổ chức, cá nhân sở hữu và điều hành phương tiện hoạt động trên biển được biết.

3. Chỉ đạo hệ thống radar giám sát tài nguyên, môi trường biển thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Hệ thống viễn thám tại Cục Viễn thám quốc gia tham gia tìm kiếm, giám sát tai nạn, sự cố trên biển theo yêu cầu của Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn và các bộ, ngành, địa phương liên quan.



## **Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông**

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thống nhất quy định các tần số trực canh, cấp cứu - khẩn cấp, quy định về thông tin liên lạc vô tuyến; ưu tiên bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, các doanh nghiệp liên quan huy động lực lượng của ngành tham gia bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về tìm kiếm, cứu nạn.

3. Hướng dẫn đăng ký sử dụng và tần số làm việc để đảm bảo thông tin liên lạc nhanh chóng khi có tình huống cứu hộ, cứu nạn xảy ra trên biển.

4. Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền pháp luật và các nội dung liên quan đến công tác bảo đảm an toàn đối với người, phương tiện khi hoạt động trên biển và khi gặp sự cố trên biển.

## **Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Y tế**

1. Phối hợp với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn, các bộ, ngành liên quan xây dựng phương án, vị trí các cơ sở y tế tổ chức cấp cứu cho nạn nhân bị nạn trên biển theo các tình huống bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

2. Chỉ đạo lực lượng y tế phối hợp với Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam và các Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực để chỉ dẫn, hướng dẫn việc sơ, cấp cứu từ xa cho người bị nạn trên biển khi cần trợ giúp y tế.

3. Chỉ đạo lực lượng y tế phối hợp tham gia cấp cứu cho nạn nhân bị nạn trên biển theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về tìm kiếm, cứu nạn.

### **Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao**

1. Chỉ đạo các cơ quan thuộc bộ, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan của các nước sở tại và các tổ chức quốc tế tìm kiếm, cứu nạn đối với người, phương tiện của các tổ chức, cá nhân Việt Nam gặp tai nạn, sự cố trong vùng trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn của nước ngoài, bao gồm cả vùng tìm kiếm, cứu nạn hàng hải và hàng không.

2. Phối hợp với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn và các bộ, ngành chức năng thông qua đường ngoại giao, đề nghị các cơ quan chức năng nước ngoài giúp đỡ tổ chức tìm kiếm, cứu nạn người, phương tiện của Việt Nam bị tai nạn, sự cố hoặc hỗ trợ nơi tránh, trú ẩn đảm bảo an toàn và các trường hợp khẩn cấp khác; đồng thời hỗ trợ cứu người, phương tiện, làm các thủ tục cần thiết và giải quyết các vấn đề phát sinh khác để đưa người, phương tiện về nước.

3. Phối hợp với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn, các bộ, ngành liên quan làm các thủ tục ngoại giao trong trường hợp tìm kiếm, cứu nạn người, phương tiện nước ngoài bị nạn trong vùng biển Việt Nam khi cần thiết.

4. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng trong việc cấp phép cho lực lượng tìm kiếm, cứu nạn nước ngoài vào thực hiện tìm kiếm, cứu nạn trên vùng biển Việt Nam.

### **Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đảm bảo ngân sách nhà nước cho các bộ, ngành, địa phương trong hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển.

2. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo đúng quy định.

### **Điều 36. Trách nhiệm của các bộ, ngành khác**

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành có lực lượng, phương tiện có khả năng và đủ điều kiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển báo cáo về Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn nghiên cứu, đưa vào phương án sử dụng lực lượng, phương tiện trong kế hoạch quốc gia về tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành kịp thời tổ chức lực lượng, phương tiện của mình

tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển khi được Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn và các cấp có thẩm quyền huy động.

3. Phối hợp với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn trong việc xây dựng phương án sử dụng lực lượng, phương tiện của bộ, ngành mình tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển.

### **Điều 37. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển**

1. Xây dựng các phương án huy động lực lượng, trang thiết bị của địa phương, của các cơ quan trung ương tại địa phương tham gia tìm kiếm, cứu nạn trong khu vực thuộc địa bàn quản lý, vùng nước cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước cảng và luồng thủy nội địa.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền về tìm kiếm, cứu nạn để huy động lực lượng, phương tiện của địa phương, của các cơ quan, tổ chức trung ương tại địa phương tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trong khu vực thuộc địa bàn quản lý, vùng nước cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước cảng và luồng thủy nội địa.

3. Thông báo Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam để điều động phương tiện

đến tham gia trong trường hợp cần huy động thêm phương tiện tìm kiếm, cứu nạn hàng hải.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho ngư dân và tổ chức, cá nhân liên quan về nội dung của Quy chế này.

5. Kiến nghị Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn để huy động lực lượng, phương tiện của các bộ, ngành, địa phương khác phối hợp tham gia tìm kiếm, cứu nạn trong trường hợp tình huống vượt khả năng ứng phó của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển.

### **Điều 38. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có phương tiện hoạt động trên biển**

1. Chấp hành lệnh của Cơ quan có thẩm quyền huy động phương tiện của mình tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

2. Phối hợp và thông tin, báo cáo đầy đủ theo nội dung yêu cầu của Cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn để tiến hành và giải quyết vụ tìm kiếm, cứu nạn đối với người, phương tiện của mình.

3. Tổ chức, cá nhân có phương tiện và thuyền bộ đủ điều kiện và tình nguyện trực sẵn sàng và tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển trong kế hoạch quốc gia về tìm kiếm, cứu nạn trên biển báo cáo Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn để nghiên cứu khả năng tham gia trong kế hoạch và huy động trực hoặc tham gia tìm kiếm, cứu nạn khi cần thiết.

## **Chương 6**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 39. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn, Bộ Giao thông vận tải tổng hợp những vấn đề phát sinh cần sửa đổi, bổ sung kịp thời đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG

**Hoàng Trung Hải**

*PHẦN II*

**KỸ NĂNG TÌM KIẾM  
CỨU NẠN HÀNG HẢI**

*Chương 1*

**TỔ CHỨC HỆ THỐNG  
TÌM KIẾM CỨU NẠN VIỆT NAM**

**I. TỔ CHỨC HỆ THỐNG TÌM KIẾM CỨU NẠN  
QUỐC GIA**

**1. Tổ chức hệ thống tìm kiếm cứu nạn  
hàng hải tại Việt Nam**

a) Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn được thành lập năm 1996, là tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, tổ chức phối hợp thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cả nước.

Chủ tịch Ủy ban là Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch thường trực là lãnh đạo của Bộ Quốc phòng, Phó Chủ tịch là lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải;

b) Cơ quan thường trực, giúp việc của Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn là Bộ Quốc phòng, có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn và sử dụng bộ

máy của mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn;

c) Cơ quan chuyên trách giúp việc Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn là Văn phòng Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn;

d) Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị chuyên trách, kiêm nhiệm thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn.

đ) Các lực lượng chính tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn hàng hải bao gồm:

- Lực lượng của Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam;

- Các Cảng vụ hàng hải thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải;

- 29 đài thông tin duyên hải được bố trí tại các vùng ven biển dọc theo bờ biển Việt Nam; 01 đài thông tin vệ tinh mặt đất Inmarsat; 01 đài thông tin vệ tinh Cospas - Sarsat bảo đảm thông tin thông suốt, phục vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và an toàn - an ninh hàng hải.

- Các lực lượng khác tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn hàng hải gồm có:

- + Lực lượng hải quân, biên phòng, cảnh sát biển thuộc Bộ Quốc phòng;

- + Các lực lượng không chuyên thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Chỉ đạo ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các tỉnh ven



biển và các tàu thuyền hoạt động trên biển được huy động tham gia theo phương châm “4 tại chỗ”.

e) Hiện nay, đối với lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn trên biển, Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam là lực lượng tìm kiếm cứu nạn chuyên nghiệp, có khả năng thực hiện các hoạt động phối hợp với lực lượng tìm kiếm cứu nạn của các quốc gia khác trong hoạt động tìm kiếm cứu nạn quốc tế, tìm kiếm cứu nạn tại các vùng biển xa, vùng biển nhạy cảm. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp hoạt động nhân đạo trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam.

Trung tâm hiện có 4 trung tâm khu vực trực thuộc có phạm vi hoạt động được chia làm 4 khu vực tìm kiếm, cứu nạn (SRRs) như sau:

- Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực I có trụ sở đặt tại thành phố Hải Phòng, vùng trách nhiệm tìm kiếm cứu nạn hàng hải từ ranh giới phía Bắc vùng biển tỉnh Quảng Ninh đến ranh giới phía Nam vùng biển tỉnh Quảng Bình;

- Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực II có trụ sở đặt tại thành phố Đà Nẵng, vùng trách nhiệm tìm kiếm cứu nạn hàng hải từ ranh giới phía Nam vùng biển tỉnh Quảng Bình đến ranh giới phía Nam vùng biển tỉnh Bình Định;

- Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực III có trụ sở đặt tại thành phố Vũng Tàu, vùng trách nhiệm tìm kiếm cứu nạn hàng hải từ ranh giới phía Nam vùng biển tỉnh Ninh Thuận

đến hết vùng biển tỉnh Kiên Giang (không bao gồm vùng biển quần đảo Trường Sa);

- Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực IV có trụ sở đặt tại thành phố Nha Trang, vùng trách nhiệm tìm kiếm cứu nạn hàng hải từ ranh giới phía Nam vùng biển tỉnh Bình Định đến ranh giới phía Nam vùng biển tỉnh Ninh Thuận và vùng biển quần đảo Trường Sa.

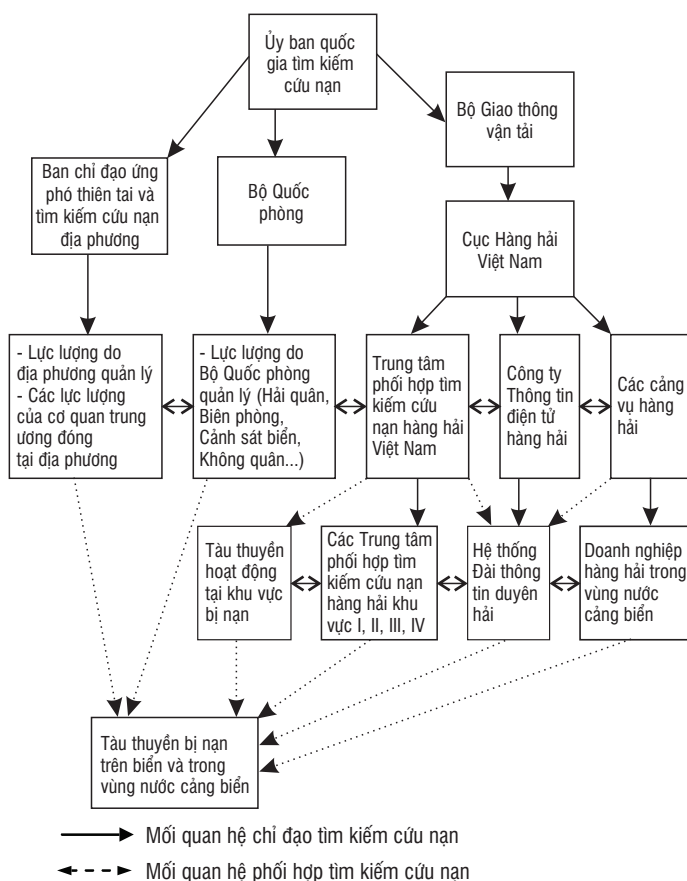
g) Một số lực lượng huy động theo phương châm “4 tại chỗ”

- Tàu, thuyền ngành thủy sản và của ngư dân: Toàn ngành thủy sản hiện có khoảng 100 chiếc tàu kiểm ngư, với 02 loại khác nhau: loại công suất 600 CV, chịu được sóng gió cấp 5-6; loại nhỏ có công suất 135 CV, khả năng chịu sóng gió cấp 4-5. Hoạt động tìm kiếm cứu nạn của đội tàu kiểm ngư chủ yếu là gần bờ kết hợp bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Đội tàu đánh cá trên biển đồng thời cũng là những người trực tiếp tham gia cứu ngư dân, những người khác khi gặp nạn trên biển khi tàu, thuyền của mình đang hoạt động gần khu vực bị nạn. Hiện nay, các tàu cá khi hoạt động tại ngư trường thường được tổ chức thành tổ, đội, nhóm. Ngoài việc liên kết trong hoạt động sản xuất, mô hình này cũng có tác dụng rất lớn khi tổ chức hoạt động ứng cứu, trợ giúp lẫn nhau khi một trong các phương tiện gặp tai nạn, sự cố trên biển.

- Phương tiện ngành hàng hải và tàu thuyền hoạt động trên biển: đội tàu biển Việt Nam hiện đang khai thác trên 30 tuyến đường biển quốc tế và vận tải nội địa. Ngoài lực lượng chuyên trách tìm kiếm cứu nạn, tàu thuyền ngành hàng hải là nguồn lực quan trọng để huy động tham gia tìm kiếm cứu nạn.

**Hình 1: Mô hình tổ chức tìm kiếm cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển**



Hiện nay, tham gia hoạt động hàng hải trên biển Việt Nam còn có số lượng lớn các tàu thuyền mang quốc tịch nước ngoài đến và rời Việt Nam để vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Đây cũng là nguồn lực đáng kể để huy động tìm kiếm cứu nạn hay có trách nhiệm khi tai nạn, sự cố xảy ra gần vùng hoạt động của tàu thuyền theo phương châm “4 tại chỗ” trong tìm kiếm cứu nạn trên biển.

\* Các địa chỉ liên lạc cần thiết khác được nêu trong Phụ lục 1.

## II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM CỨU NẠN TRÊN BIỂN

1. Phân vùng trách nhiệm chủ trì, phối hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển:

Theo Điều 6 Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20/01/2014 ban hành Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển (sau đây gọi tắt là Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg) việc phân vùng trách nhiệm chủ trì phối hợp tìm kiếm, cứu nạn người, phương tiện hoạt động trên biển và trong vùng nước cảng biển quy định như sau:

a) Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam chủ trì phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên vùng biển Việt Nam, trừ vùng nước cảng biển, vùng cấm và vùng hạn chế trên biển.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển chủ trì phối hợp tìm kiếm cứu nạn trong khu vực thuộc địa bàn quản

lý, trừ vùng nước cảng biển, vùng cấm và vùng hạn chế do Bộ Quốc phòng công bố.

c) Cảng vụ Hàng hải chủ trì phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

d) Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trong vùng cấm và vùng hạn chế trên biển.

đ) Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn chủ trì, huy động lực lượng, phương tiện của các bộ, ngành, địa phương tham gia phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trong trường hợp vị trí của người, phương tiện bị nạn không xác định; nằm trong vùng giáp ranh với quốc gia khác và trên vùng biển Việt Nam trong trường hợp tình huống vượt khả năng ứng phó của các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6 Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg.

2. Trách nhiệm, nghĩa vụ chung trong hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên biển

Điều 122 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2018 về tìm kiếm và cứu nạn hàng hải quy định:

a) Tàu thuyền và thủy phi cơ khi gặp nguy hiểm cần sự cứu giúp thì phải phát tín hiệu cấp cứu theo quy định.

b) Tàu thuyền và thủy phi cơ khi phát hiện hay nhận được tín hiệu cấp cứu của người hoặc tàu khác gặp nạn trên biển, vùng nước cảng biển, nếu điều kiện thực tế cho phép và không gây nguy hiểm nghiêm trọng cho tàu và những người đang ở trên

tàu của mình thì phải bằng mọi cách tiến hành cứu giúp người gặp nạn, kể cả việc phải đi chệch khỏi hành trình đã định và phải kịp thời thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan biết.

c) Cơ quan phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải phải sẵn sàng tổ chức và phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn kịp thời đối với người gặp nạn trong vùng tìm kiếm, cứu nạn do mình phụ trách và được quyền huy động người, phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn.

d) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của cơ quan phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải.

Khoản 1, 2 Điều 20 Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg quy định rõ về việc phối hợp tìm kiếm, cứu nạn ngư dân, tàu cá trên biển như sau:

a) Tàu biển, tàu cá và tàu thuyền khác hoạt động trên biển có trách nhiệm tham gia phối hợp tìm kiếm, cứu nạn ngư dân, tàu cá khi bị nạn;

b) Tàu thuyền của tổ chức, cá nhân khi hoạt động trên biển, phát hiện hoặc nhận được thông tin về ngư dân, tàu cá bị nạn phải thông báo ngay cho một trong các cơ quan sau đây để tổ chức phối hợp tìm kiếm, cứu nạn:

- Cảng vụ hàng hải;
- Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam;
- Đồn, trạm của Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển nơi gần nhất;

- Lực lượng kiểm ngư;
- Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam;
- Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Tàu cá của các tổ, đội sản xuất hoạt động trên biển phát hiện tàu cá của tổ, đội mình bị nạn, trước tiên phải chủ động tiến hành hoạt động cứu nạn hoặc huy động các tàu cá của các địa phương khác hoạt động gần vị trí tàu bị nạn trợ giúp; đồng thời thông báo cho chủ tàu bị nạn và các cơ quan chức năng của địa phương biết để sẵn sàng tổ chức tìm kiếm, cứu nạn;

d) Trường hợp tình huống vượt quá khả năng của mình, lực lượng tham gia tìm kiếm, cứu nạn phải báo cáo ngay Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn để huy động lực lượng, phương tiện tham gia cứu hộ, cứu nạn.

3. Trách nhiệm của thuyền trưởng phương tiện hoạt động trên biển.

Khoản 1 Điều 14 Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg quy định về trách nhiệm của thuyền trưởng phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn như sau:

a) Tham gia cứu người bị nạn trên biển khi phát hiện hay nhận được tín hiệu cấp cứu - khẩn cấp gần khu vực đang hoạt động, nếu không mất an toàn cho người, phương tiện của mình. Đồng thời thông báo cho cơ quan chủ trì về tìm kiếm, cứu nạn và tổ chức, cá nhân liên quan biết việc tham gia tìm kiếm, cứu nạn của mình;

b) Chấp hành lệnh điều động tham gia tìm kiếm, cứu nạn khi được cơ quan có thẩm quyền về tìm kiếm, cứu nạn trên biển huy động;

c) Tham gia hỗ trợ, cứu hộ phương tiện gặp nạn theo quy định.

4. Trách nhiệm của thuyền trưởng phương tiện được huy động tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

Khoản 2 Điều 14 Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg quy định trách nhiệm của thuyền trưởng phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn như sau:

a) Liên lạc với người, phương tiện bị nạn nắm tình hình, thống nhất cách thức, tần số liên lạc, biện pháp duy trì liên lạc với người, phương tiện bị nạn;

b) Trường hợp hai bên đã thống nhất được biện pháp hỗ trợ, lai dắt, cứu hộ hoặc cứu nạn mà không cần sự hỗ trợ thêm phải báo Cơ quan chủ trì về tìm kiếm, cứu nạn biết để dừng việc hỗ trợ, cứu nạn;

c) Trường hợp cần sự hỗ trợ thêm, phải thông báo cho cơ quan chủ trì về tìm kiếm, cứu nạn những đề nghị hỗ trợ, giúp đỡ cần thiết;

d) Thuyền trưởng phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn phải thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của chỉ huy hiện trường và có trách nhiệm thông tin, báo cáo cho chỉ huy hiện trường.



## *Chương 2*

# **SỬ DỤNG THÔNG TIN LIÊN LẠC TRONG TÌM KIẾM CỨU NẠN**

### **I. CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN LIÊN LẠC HÀNG HẢI**

1. Hệ thống các đài thông tin duyên hải Việt Nam bao gồm cả vô tuyến mặt đất và vô tuyến vệ tinh là lực lượng chính tổ chức trực 24/24 giờ để tiếp nhận và xử lý thông tin cứu nạn (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và phát thông tin an toàn hàng hải liên quan đến những tình huống cứu nạn.

2. Hệ thống radar biển của lực lượng hải quân trực canh theo yêu cầu nhiệm vụ phát hiện và thông báo cho các cơ quan, tổ chức tìm kiếm, cứu nạn trong khu vực về vị trí người, phương tiện bị nạn trên biển.

3. Hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng: Hoạt động trên các tần số quy định để chỉ huy phòng thủ và hoạt động trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm soát và hướng dẫn các phương tiện tàu thuyền trong nước và nước ngoài ra vào vùng biển, cảng biển của Việt Nam.

Hệ thống trực canh trên tần số sóng ngày 9339 kHz và sóng đêm 6973 kHz phục vụ cho công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn.

4. Hệ thống quan sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản.

Hệ thống này được thiết lập nhằm liên lạc giữa tàu - bờ hoặc liên lạc giữa tàu - tàu hoạt động trên biển thông qua phương thức vô tuyến sóng ngắn HF và VHF có đặc tính: Công suất phát thấp từ 10-150 W; hoạt động trên băng tần HF, VHF và băng tần dành cho ngư dân; phương thức liên lạc chủ yếu là thoại.

5. Hệ thống thông tin điện thoại di động (Mobile Fone).

Thực tế hiện nay tại các vùng biển ven bờ và vùng biển lân cận các đảo lớn của nước ta đã được phủ sóng của hệ thống thông tin điện thoại di động vô tuyến (Vinaphone, Mobile Fone, Viettel...). Việc sử dụng sóng mạng điện thoại vô tuyến cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn là vô cùng hữu ích. Chính vì vậy, các phương tiện hoạt động tại các khu vực có sóng điện thoại di động có thể tổ chức hoạt động ứng cứu khi xảy ra tình huống tìm kiếm cứu nạn một cách kịp thời.

6. Các hệ thống thông tin khác hỗ trợ hoạt động tìm kiếm cứu nạn:

- *Hệ thống AIS (Automatic Identification System):*

AIS trang bị trên tàu thuyền có chức năng tự động phát tới các tàu khác và tới Đài thông tin duyên hải các thông tin của tàu mình bao gồm:

+ Thông tin cố định, như số nhận dạng hàng hải (MMSI), số IMO, hô hiệu và tên tàu; các kích thước chiều dài, chiều rộng... của tàu (các thông số này được cài đặt cố định cho AIS trên mỗi con tàu tại thời điểm trang bị);

+ Thông tin động, bao gồm tọa độ vị trí tàu, hướng và tốc độ di chuyển, tốc độ quay trở tít thời (các thông số này được AIS thu thập từ các thiết bị hàng hải khác như máy định vị toàn cầu GPS, la bàn điện, tốc độ kế...);

+ Dữ liệu về hành trình: đích đến, dự kiến thời gian đến đích ETA, môn nước, loại hàng hóa, thông tin an toàn (do người sử dụng trên tàu nhập vào trước mỗi hành trình);

+ Báo hiệu hàng hải AIS là trạm AIS đặc biệt được thiết lập nhằm chủ động cung cấp thông tin: tên báo hiệu, loại báo hiệu, chức năng báo hiệu (cài đặt sẵn), tọa độ vị trí (thu nhận từ GPS), trạng thái hoạt động của thiết bị đèn, ắc quy, thông tin khí tượng thủy văn... (thu nhận từ các cảm biến thích hợp) đến các phương tiện đang hoạt động trong khu vực và Đài thông tin duyên hải của nhà quản lý.

- *Hệ thống LRIT:*

Hệ thống LRIT - Hệ thống nhận dạng và truy theo tầm xa (Long-range Identification and Tracking System - LRIT) là hệ thống cung cấp dịch vụ nhận dạng và dõi theo hành trình tàu biển trên phạm vi toàn cầu. Nó góp phần quan trọng trong

công tác tìm kiếm cứu nạn, cảnh báo các nguy cơ về hàng hải, các nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường biển. Tiết kiệm được chi phí cũng như thời gian xử lý các thông tin cấp cứu và trong việc hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn trên biển.

## II. TRANG THIẾT BỊ THÔNG TIN LIÊN LẠC HÀNG HẢI

### 1. Trang thiết bị thông tin đối với tàu biển

Các tàu hành trình trên biển phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị thông tin. Quy định trang bị tối thiểu về thông tin liên lạc cho các tàu là đối tượng của hệ thống GMDSS có thể tóm tắt như sau:

THIẾT BỊ	VÙNG BIỂN			
	A1	A2	A3	A4
Thiết bị thu phát vô tuyến VHF (DSC)	x	x	x	x
Hệ thống phát đáp rada tìm kiếm cứu nạn (băng tần hàng hải 9.2 - 9.5GHz) SART (2)	x	x	x	x
Máy thu NAVTEX (nghiệp vụ chữ băng hẹp)	A	A	A	A
Máy thu EGC (gọi nhóm đài tàu qua vệ tinh Inmarsat)	B	B	B	B
Phao chỉ báo vị trí khẩn cấp vô tuyến EPIRB	x	x	x	C

THIẾT BỊ	VÙNG BIỂN			
	A1	A2	A3	A4
Máy thu phát vô tuyến VHF cầm tay (2 hoặc 3)	x	x	x	x
Máy thu phát vô tuyến MF (DSC)		x	x	x
Thiết bị thu phát vệ tinh Inmarsat - A, B, C		x	x	x
Máy thu phát vô tuyến HF (với DSC và Telex)		x	x	x

A - Chỉ yêu cầu trong những vùng có nghiệp vụ NAVTEX;

B - Chỉ yêu cầu trong những vùng không có nghiệp vụ NAVTEX, phải trang bị máy thu EGC;

C - Phao EPIRB phát tín hiệu báo nạn qua hệ thống thông tin vệ tinh Cospas-Sarsat hoạt động băng tần 121.5/243 MHz và 406 MHz.

## 2. Trang thiết bị thông tin cho tàu cá

2.1. Các tàu cá hoạt động trên vùng biển A1 (vùng biển cách bờ dưới 35 hải lý) phải có các thiết bị:

a) 01 thiết bị thu phát thoại vô tuyến sóng cực ngắn (VHF);

b) 01 máy thu chuyên dụng thông tin dự báo thiên tai (SSB).

2.2. Các tàu cá hoạt động trên vùng biển A2 (vùng biển cách bờ từ 35 - 250 hải lý) phải có các thiết bị:

a) 01 thiết bị định vị vệ tinh (GPS);

b) 01 máy thu chuyên dụng thông tin dự báo thiên tai (SSB);

c) 01 thiết bị thu phát thoại đơn biên sóng ngắn (HF) có chức năng trực canh trên tần số 7903 kHz của Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam và tần số sóng ngày 9339 kHz, sóng đêm 6973 kHz của Bộ đội Biên phòng;

d) 01 phao phát tín hiệu báo nạn qua hệ thống thông tin vệ tinh Cospas-Sarsat hoạt động ở băng tần 406 MHz (thiết bị EPIRB).

2.3. Các tàu cá hoạt động trên vùng biển A3 (cách bờ từ 250 hải lý trở lên) phải có các thiết bị:

a) 01 thiết bị định vị vệ tinh (GPS);

b) 01 máy thu chuyên dụng thông tin dự báo thiên tai (SSB);

c) 01 thiết bị thu phát thoại đơn biên sóng ngắn (HF) có chức năng trực canh trên tần số 7903 kHz của Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam và tần số sóng ngày 9339 kHz, sóng đêm 6973 kHz của Bộ đội Biên phòng;

d) 01 phao phát tín hiệu báo nạn qua hệ thống thông tin vệ tinh Cospas-Sarsat hoạt động ở băng tần 406 MHz (thiết bị EPIRB).

### III. CÁC PHƯƠNG THỨC PHÁT TÍN HIỆU CẤP CỨU

#### 1. Tín hiệu cấp cứu

Khi tàu thuyền, người bị lâm nạn, cần gọi cấp cứu phải biểu thị đồng thời hoặc một trong các loại tín hiệu sau đây:

- 1.1. Cách khoảng một phút phát một tiếng nổ;
  - 1.2. Dùng thiết bị còi sương mù phát âm thanh liên tục;
  - 1.3. Cách một khoảng thời gian ngắn phóng một pháo hoa có ánh sáng đỏ hoặc đạn tín hiệu hình sao đỏ;
  - 1.4. Dùng vô tuyến điện báo hoặc bất kỳ phương tiện thông tin nào phát tín hiệu “SOS”;
  - 1.5. Dùng vô tuyến điện thoại phát bằng khẩu ngữ chữ “MAY DAY”;
  - 1.6. Treo tín hiệu N.C theo quy tắc thông hiệu quốc tế;
  - 1.7. Dùng một quả bóng tròn hoặc bất cứ vật gì hình cầu đặt trên hoặc ở dưới lá cờ hình vuông rồi treo lên cao;
  - 1.8. Đốt lửa trên tàu;
  - 1.9. Dùng pháo hiệu dù hoặc pháo hiệu cầm tay phát ánh sáng đỏ;
  - 1.10. Dùng pháo khói phát ra khói màu da cam;
  - 1.11. Dùng hai cánh tay duỗi thẳng đưa lên, đưa xuống chậm chậm và lặp đi lặp lại nhiều lần;
- Chú ý:* Ngoài mục đích biểu thị tàu thuyền, người đang lâm nạn cần cấp cứu ngay, không được sử dụng các tín hiệu trên tàu cũng như những tín hiệu dễ nhầm lẫn với chúng vào bất cứ một mục đích nào khác.

## **2. Thông tin cấp cứu và an toàn theo Hệ thống GMDSS**

Khi tàu bị nạn, phát báo động và thông tin cấp cứu bằng các phương thức sau:

a) Tàu bị nạn có thể dùng DSC để phát báo động cấp cứu cho các tàu xung quanh và đặc biệt đến đài bờ. Đài bờ sẽ phát xác báo bằng DSC và bằng thoại hoặc NBDP tới đài tàu bị nạn và các tàu lân cận;

b) Tàu bị nạn có thể sử dụng INMARSAT để phát báo động cấp cứu lên vệ tinh INMARSAT, vệ tinh sẽ chuyển xuống đài LES theo yêu cầu của tàu bị nạn, đài LES sẽ gửi các thông số nhận được của tàu bị nạn tới RCC;

c) Khi tàu bị nạn sử dụng EPIRB phát tín hiệu lên vệ tinh COSPA-SARSAT, tín hiệu này sẽ được vệ tinh chuyển xuống trạm khu vực LUT. Trạm khu vực LUT tính toán vị trí của tàu bị nạn thông qua mạng thông tin mặt đất chuyển tín hiệu đến RCC gần với tàu bị nạn để tổ chức hoạt động tìm kiếm, cứu nạn;

d) Tàu bị nạn kích hoạt SART để dễ dàng cho việc tìm kiếm. SART là thiết bị phát tín hiệu vô tuyến trên dải tần số 9 GHz giúp cho các tàu tìm kiếm dễ dàng phát hiện mục tiêu trên màn ảnh radar 9 GHz;

đ) Tàu bị nạn có thể dùng hệ thống INMARSAT hoặc hệ thống thông tin mặt đất DSC, thoại, NBDP, trên các băng tần VHF, MF-HF có trên tàu để thông



tin trực tiếp với tàu cứu nạn SAR và các trung tâm tìm kiếm cứu nạn thông qua đài bờ (Coast Station hoặc đài bờ mặt đất LES).

### **3. Các thủ tục thông tin cấp cứu trên băng MF và VHF**

#### **3.1. Phát tín hiệu cấp cứu bằng DSC**

a) Tín hiệu cấp cứu được phát theo lệnh của thuyền trưởng trong trường hợp tàu hoặc người trên tàu trong tình trạng nguy cấp và yêu cầu giúp đỡ ngay lập tức;

b) Báo động cấp cứu bằng DSC được phát như sau:

- Điều chỉnh máy phát đến Kênh báo động cấp cứu DSC (2187.5 kHz, trên dải MF, kênh 70VHF);

- Nếu thời gian cho phép, dùng các phím ấn hoặc lựa chọn trên bàn phím của thiết bị DSC để nhập các dữ liệu sau:

- + Tính chất của tai nạn;

- + Vị trí cuối cùng được biết (vĩ độ, kinh độ);

- + Thời gian (UTC) tương ứng với vị trí cuối cùng;

- + Loại thông tin cứu nạn tiếp theo (thường là thoại).

- Phát tín hiệu cấp cứu DSC;

- Chuẩn bị cho liên lạc cấp cứu theo băng các điều hưởng máy thu phát thoại tới kênh cấp cứu trên cùng dải băng tần; chẳng hạn 2182 kHz với sóng MF và kênh 16 với VHF trong thời gian đợi xác nhận tín hiệu cấp cứu;

- Nếu thời gian không cho phép chỉ cần ấn nút “DISTRESS” trên các thiết bị này (nút này màu đỏ thường được che chắn bằng một miếng nhựa nhỏ màu trắng có thể lật lên) thì tín hiệu cấp cứu sẽ được phát tự động. Đối với tín hiệu cấp cứu được phát tự động này, tính chất tai nạn thường không được xác định.

### 3.2. Thông tin cấp cứu

Khi nhận được bản xác nhận tín hiệu cấp cứu DSC, tàu bị nạn tiến hành liên lạc cấp cứu bằng thoại (trên tần số 2182 kHz với MF hoặc kênh 16 với VHF) như sau:

- MAY DAY;
- Tên tàu, hô hiệu;
- 9 số hiệu nhận dạng và hô dấu hiệu nhận dạng khác;
- Vị trí của tàu theo vĩ độ, kinh độ hoặc vị trí so với mốc địa lý định vị đã biết khác;
- Tính chất của tai nạn và yêu cầu cần trợ giúp;
- Mọi thông tin khác thuận lợi cho việc trợ giúp.

### 3.3. Những thao tác của Đài tàu khi nhận được tín hiệu cấp cứu bằng DSC

a) Khi nhận được tín hiệu cấp cứu bằng DSC, các tàu không nên phát báo nhận trên DSC mà chỉ có các Trạm bờ mới được phát xác báo nhận. Chỉ khi nhận thấy không có trạm bờ nào nhận được tín hiệu cấp cứu DSC và tín hiệu cấp cứu DSC vẫn cứ tiếp tục phát, thì tàu nhận được tín hiệu cấp cứu DSC

nói trên mới sử dụng DSC để phát báo nhận nhằm kết thúc cuộc gọi đó. Sau đó, trên tàu phát báo nhận phải thông báo cho Đài duyên hải bằng bất cứ phương tiện nào có thể;

b) Các tàu khi nhận được tín hiệu cấp cứu từ một tàu khác gần tàu mình cũng phải hoãn việc báo nhận bằng thoại trong một khoảng thời gian ngắn. Nếu tàu bị nạn đó nằm trong tầm hoạt động của đài bờ thì các tàu phải dành thời gian để đài bờ phát báo nhận trước;

c) Các tàu, khi nhận được tín hiệu cấp cứu DSC phải:

- Trục canh trên tần số cấp cứu 2182 kHz dải sóng MF hoặc kênh 16 VHF để thu tín hiệu báo nhận và thu điện cấp cứu;

- Trường hợp tàu ở gần tàu bị nạn mà phải phát báo nhận báo động cấp cứu, thì phát báo nhận tín hiệu cấp cứu bằng thoại trên tần số liên lạc cấp cứu giống với băng tần số mà tín hiệu cấp cứu đã được nhận (tần số 2182 kHz với MF hoặc kênh 16 VHF) theo trình tự sau đây:

  - + MAY DAY;

  - + 9 số hiệu nhận dạng của tàu bị nạn (nhắc lại 3 lần);

  - + This is: tên tàu, hô hiệu;

  - + 9 số nhận dạng hoặc hô hiệu của tàu mình (nhắc lại 3 lần);

  - + RECEIVED MAYDAY.

*Chú ý:* Nếu tàu nằm rất xa tàu bị nạn hoặc không có khả năng đến cứu, thì tàu đó chỉ phát báo nhận bằng cách phát tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp khi xét thấy không có đài bờ hoặc tàu nào phát tín hiệu cấp cứu đó.

#### 3.4. Phát tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp bằng DSC

a) Một tàu, khi biết tàu khác đang bị nạn, sẽ phát tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp, nếu:

- Tàu bị nạn, tự nó không có khả năng phát tín hiệu cấp cứu;

- Thuyền trưởng xét thấy cần phải giúp đỡ thêm cho tàu đang bị nạn.

b) Việc phát tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp được tiến hành, như sau:

- Điều chỉnh máy phát đến kênh cấp cứu DSC (tần số 2187.5 kHz; và kênh 70 VHF);

- Lựa chọn dạng bức điện phát cấp cứu chuyển tiếp trên thiết bị DSC;

- Đưa vào hoặc lựa chọn trên bàn phím thiết bị DSC;

- Gọi tắt cả các tàu hoặc đưa 9 số nhận dạng của Trạm bờ định gọi;

- 9 số nhận dạng của tàu bị nạn (nếu biết);

- Tính chất của tai nạn;

- Vị trí mới nhất của tàu bị nạn (nếu biết);

- Thời gian (UTC) tương ứng với vị trí trên;

- Phương thức liên lạc cứu nạn kèm theo (thoại).

c) Phát tín hiệu chuyển tiếp DSC.

d) Trong khi chờ báo nhận điện cấp cứu, phải chuẩn bị để liên lạc cấp cứu bằng cách điều chỉnh máy thu phát thoại về kênh liên lạc cấp cứu tương ứng với dải tần phát tín hiệu cấp cứu: chẳng hạn trên tần số 2182 kHz/MF và kênh 16/ VHF.

3.5. Báo nhận tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp DSC từ đài bờ

a) Các tàu, sau khi nhận được tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp của đài bờ, sẽ không phát báo nhận bằng DSC, mà báo nhận bằng thoại trên kênh liên lạc cấp cứu trên cùng dải tần mà vừa nhận được tín hiệu chuyển tiếp đó, chẳng hạn 2182 kHz/MF và kênh 16/VHF.

b) Việc báo nhận được phát như sau:

- MAY DAY;
- Số hiệu nhận dạng, hô hiệu hoặc hiệu nhận dạng khác của đài bờ (nhắc lại 3 lần);
- Tên tàu, hô hiệu;
- 9 số nhận dạng, hô hiệu hoặc hiệu nhận dạng khác của tàu mình (nhắc lại 3 lần);
- RECEIVED MAYDAY.

#### **4. Thủ tục thông tin cấp cứu trên băng HF**

##### **4.1. Phát tín hiệu cấp cứu DSC**

a) Khi tàu đang ở khu vực A3 và A4 thì tín hiệu gọi cấp cứu gửi về bờ phải sử dụng sóng HF, còn phát tới các tàu ở khu vực tầm gần sẽ sử dụng sóng MF/VHF. Khi phát gọi cấp cứu DSC cố gắng

bao gồm cả vị trí tàu tương ứng với thời gian (UTC) mới nhất được biết.

b) Trình tự phát tín hiệu cấp cứu DSC như sau:

- Chọn dải băng HF: Khi chọn dải băng sóng HF để phát gọi cấp cứu DSC, phải tính đến đặc tính truyền sóng HF phụ thuộc vào mùa và thời gian thực tế. Theo quy định chung, tần số cấp cứu DSC trên dải băng 8 MHz (8414.5 kHz) trong nhiều trường hợp sẽ được chọn đầu tiên. Việc phát tín hiệu cấp cứu DSC trên nhiều tần số của dải sóng HF sẽ tăng xác suất thu nhận được tín hiệu của trạm bờ. Ta điều chỉnh máy phát về kênh tần số cấp cứu DSC dải HF (4207.5 kHz; 6312 kHz; 8414.5 kHz; 12577 kHz; 16804.5 kHz).

- Lựa chọn trên bàn phím của thiết bị DSC để nhập các dữ liệu sau:

- + Tính chất của tai nạn;
- + Vị trí cuối cùng được biết (vĩ độ, kinh độ);
- + Thời gian (UTC) tương ứng với vị trí cuối cùng;
- + Loại thông tin cứu nạn tiếp theo (thường là thoại);

+ Phát tín hiệu cấp cứu DSC.

- Nếu thời gian không cho phép chỉ cần ấn nút “DISTRESS” trên các thiết bị này (nút này màu đỏ thường được che chắn bằng một miếng nhựa nhỏ màu trắng có thể lật lên) thì tín hiệu cấp cứu sẽ được phát tự động. Đối với tín hiệu cấp cứu được phát tự động này, tính chất tai nạn thường không được xác định.

## 4.2. Thông tin cấp cứu

a) Trình tự khi thực hiện thông tin cấp cứu bằng thoại tương tự như thông tin cấp cứu bằng thoại trên dải tần MF/VHF. Lưu ý, nếu việc báo nhận được thực hiện trên dải tần nào thì tiến hành thông tin thoại trên tần số thoại tương ứng với dải tần đó.

Dưới đây là bảng tần số cấp cứu DSC và tần số thông tin cấp cứu thoại, telex:

Dải tần	Tần số DSC	Tần số thoại	Tần số telex
HF4	4207.5 kHz	4125 kHz	4177.5 kHz
HF6	6312 kHz	6215 kHz	6268 kHz
HF8	8414.5 kHz	8291 kHz	8376.5 kHz
HF12	12577 kHz	12290 kHz	12520 kHz
HF16	16804.5 kHz	16420 kHz	16695 kHz

b) Nếu thông tin cấp cứu được thực hiện bằng telex thì phải theo trình tự sau:

- Sử dụng chế độ FEC, trừ khi có yêu cầu khác;
- Tất cả các bức điện được tiến hành theo trình tự:
  - + Trở về đầu dòng;
  - + Xuống dòng;
  - + Lùi vào 1 chữ;
  - + MAY DAY.

c) Tàu bị nạn bắt đầu thông tin cấp cứu bằng telex trên kênh thông tin cấp cứu, như sau:

- Trở về đầu dòng, xuống dòng, lùi vào 1 chữ;
- MAY DAY;
- This is: tên tàu, hô hiệu;
- 9 số nhận dạng và hô hiệu hoặc dấu hiệu nhận dạng khác của tàu;
- Vị trí tàu nếu nó chưa được bao hàm khi gọi cấp cứu DSC;
- Tính chất của tai nạn;
- Mọi thông tin khác tạo thuận lợi cho việc tìm cứu.

#### 4.3. Những thao tác khi nhận được tín hiệu cấp cứu bằng DSC trên sóng HF

Các tàu, khi nhận được tín hiệu cấp cứu từ tàu khác, sẽ không phát báo nhận mà phải:

a) Trực canh để chờ xác báo nhận tín hiệu cấp cứu DSC từ trạm bờ.

b) Trong khi chờ thu xác báo nhận tín hiệu cấp cứu DSC từ trạm bờ, thì chuẩn bị để thu thông tin cấp cứu tiếp theo, bằng cách điều chỉnh máy thu phát HF tới kênh tần số liên lạc cấp cứu DSC vừa thu được, theo dõi những tình huống sau:

- Nếu phương thức thoại đã được đưa ra trong cuộc gọi DSC, thì máy thu HF được điều chỉnh tới kênh liên lạc cấp cứu thoại ở dải băng tương ứng. Nếu phương thức telex được đưa ra trong báo động DSC, thì máy thu HF phải được điều chỉnh đến kênh liên lạc cấp cứu telex tương ứng. Các tàu có



khả năng, nên trực canh thêm trên các kênh thông tin thoại cấp cứu phù hợp khác;

- Nếu tín hiệu cấp cứu được thu nhận trên nhiều băng sóng HF, thì việc thông tin sẽ được điều chỉnh tới kênh liên lạc cấp cứu được xem là tốt nhất trong thực tế. Nếu tín hiệu cấp cứu được thu trên băng 8 MHz, thì băng này có thể là băng sẽ được chọn đầu tiên trong nhiều trường hợp;

- Nếu không thu nhận được thông tin cấp cứu trong vòng 2 phút trên kênh HF, thì điều chỉnh máy liên lạc tới kênh HF khác được xem là phù hợp hơn với điều kiện thực tế;

- Nếu không thu nhận được xác báo nhận tín hiệu cấp cứu DSC từ trạm bờ trong vòng 3 phút và không thấy trao đổi thông tin cấp cứu giữa một đài bờ và tàu bị nạn, thì:

- + Phát tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp DSC;
- + Thông báo cho MRCC qua các thiết bị phù hợp.

#### 4.4. Phát tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp

a) Tùy thuộc vào tình huống thực tế, quyết định xem nên phát tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp DSC ở dải băng tần nào (MF, VHF, HF), có cân nhắc việc báo động chiều tàu - tàu (MF, VHF) và chiều tàu - bờ (HF);

b) Điều chỉnh máy phát tới kênh tần số cấp cứu DSC liên quan;

c) Theo chỉ dẫn để đưa vào hoặc chọn dạng cuộc gọi và những thông tin liên quan trên phím thiết bị DSC;

d) Phát chuyển tiếp báo động cấp cứu DSC.

4.5. Báo nhận tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp HF từ đài bờ

Các tàu khi nhận được tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp đài bờ trên sóng HF phát cho tất cả các tàu trong khu vực riêng biệt thì không xác nhận bằng DSC, mà bằng thoại trên kênh thông tin thoại cấp cứu cùng băng mà tín hiệu cấp cứu chuyển tiếp DSC vừa thu được.

## **5. Thủ tục báo động và thông tin cấp cứu qua INMARSAT-C**

5.1. Tín hiệu cấp cứu được phát theo lệnh của thuyền trưởng trong trường hợp tàu hoặc người trên tàu trong tình trạng nguy cấp và yêu cầu giúp đỡ ngay lập tức.

5.2. Vào menu “Distress Alert Setup” tiến hành vào các thông số sau:

- a) LES ID: vào ID của Đài LES định phát báo động cấp cứu tới;
- b) Position: vào vị trí của tàu;
- c) Date time: vào ngày tháng và thời gian;
- d) Nature of Distress: lựa chọn tính chất bị nạn từ menu phù hợp;
- đ) Protocol: lựa chọn Maritime;
- e) Course: vào hướng đi của tàu;
- g) Speed: vào tốc độ của tàu;
- h) Ấn nút Distress Buton với thời gian lớn hơn 6.

Lúc này báo động cấp cứu sẽ được phát đi cùng với thông số đã được đưa vào ở trên.

*Lưu ý:* Trong trường hợp máy vẫn còn được nối với GPS, thì các thông số như: position, date, time, course, speed được đưa vào từ GPS. Lúc này, chỉ còn phải lựa chọn LES ID và Nature of Distress và phát đi.

5.3. Tiếp theo, soạn điện cấp cứu trên màn hình (nội dung điện cấp cứu giống như các điện cấp cứu ở hệ thống thông tin mặt đất).

5.4. Gửi điện cấp cứu: vào Menu Transmit hoặc Send Message, sau đó lựa chọn:

- a) Priority (Category): lựa chọn Distress;
- b) Message file: chọn file điện cấp cứu đã soạn;
- c) LES ID: lựa chọn đài LES đã phát báo động cấp cứu đến ở trên.

5.5. Phát điện cấp cứu đi. Chờ các xác báo và chỉ dẫn từ MRCC.

Nếu thời gian không cho phép chỉ cần ấn nút “DISTRESS” trên các thiết bị này (nút này màu đỏ thường được che chắn bằng một miếng nhựa nhỏ màu trắng có thể lật lên) thì tín hiệu cấp cứu sẽ được phát tự động. Đối với tín hiệu cấp cứu được phát tự động này, tính chất tai nạn thường không được xác định.

## **6. Hành động của đài tàu khi ở tình huống cấp cứu**

6.1. Nếu tàu đang ở tình huống chìm hoặc phải ngay lập tức bỏ tàu, tiến hành phát tín hiệu cấp cứu trên các thiết bị HF/MF/VHF DSC hoặc trên

INMARSAT. Sau đó, thuyền viên nhanh chóng xuống xuống cứu sinh, mang theo VHF, SART và EPIRB nếu có thể. Điều động xuống cứu sinh rời tàu và ngay lập tức bật nguồn để kích hoạt thiết bị SART và EPIRB.

6.2. Nếu tàu đang ở tình huống cần cứu nạn, nhưng chưa cần thiết phải rời tàu ngay, thì cũng phải tiến hành phát tín hiệu cấp cứu trên các thiết bị HF/MF/VHF DSC hoặc trên INMARSAT.

a) Trường hợp thu được tín hiệu báo nhận, tàu bị nạn cần liên lạc tới RCC và các tàu qua các thiết bị HF/MF/VHF DSC hoặc trên INMARSAT để đưa ra các yêu cầu cứu giúp;

b) Trường hợp không thu được tín hiệu báo nhận, tàu bị nạn xét thấy cần thiết, phải bật nguồn để kích hoạt thiết bị SART và EPIRB ngay trên tàu.

6.3. Nếu tàu đang gặp sự cố nguy hiểm, cần phát điện khẩn cấp tới MRCC trên các thiết bị HF/MF/VHF DSC hoặc trên INMARSAT.

a) Trường hợp thu được tín hiệu báo nhận, tàu bị nạn liên lạc tới MRCC và các tàu các thiết bị HF/MF/VHF DSC hoặc trên INMARSAT để đưa ra các yêu cầu trợ giúp;

b) Trường hợp không thu được tín hiệu báo nhận, tàu bị nạn tiếp tục phát điện khẩn cấp tới MRCC trên các thiết bị HF/MF/VHF DSC hoặc trên INMARSAT cho tới khi thu được tín hiệu báo nhận.

### *Chương 3*

## **MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DUY TRÌ SỰ SỐNG VÀ KỸ THUẬT CHỐNG CHÁY, CHỐNG THỦNG**

### **I. CÁC TRANG THIẾT BỊ SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỨU NẠN**

Trong hàng hải, sử dụng các dụng cụ, thiết bị sau đây để phục vụ cho hoạt động cứu nạn trên biển:

#### **1. Thiết bị cứu sinh và cứu nạn**

##### **a) Xuồng cứu sinh, phao bè tự thổi:**



Loại bè nói trên sử dụng việc phân bố trọng lượng và đường bao hệ thống nâng mui chính

xác đảm bảo khả năng tự lật. Bè bên trái có thể lật lại được với mui đôi;

b) Áo phao;

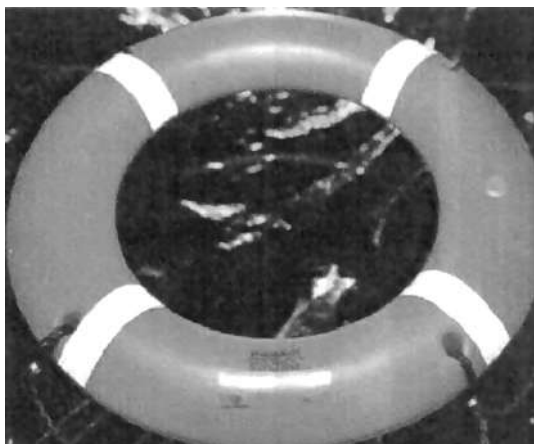


c) Bộ quần áo cứu sinh cho thủy thủ;



Bộ quần áo giữ nhiệt,  
cách nhiệt

d) Phao cứu sinh;



đ) Máy VHF cầm tay để liên lạc với những tàu và xuồng làm nhiệm vụ;



e) Các thiết bị khác: súng bắn dây; dây cứu sinh; móc cứu sinh; dây kéo; rìu cán ngắn; cằng cứu thương;

g) Thiết bị vô tuyến điện hoạt động trên dải tần MF/HF hoặc VHF;



*Máy VHF cố định*



*Máy MF/HF*

h) Các thiết bị và dụng cụ y tế: túi thuốc y tế, nẹp cố định gãy xương;

i) Thiết bị phòng cháy chữa cháy.

## **2. Thiết bị báo hiệu**

- Bản sao Bộ luật tín hiệu quốc tế; đèn hiệu, đèn chiếu, đèn pin;

- Pháo hiệu màu, thiết bị tạo khói, pháo hiệu cháy sáng và phát khói trên mặt nước, thiết bị tạo vệt màu.

## **II. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DUY TRÌ SỰ SỐNG**

### **1. Chống khát**

Nhịn ăn có thể sống được hàng tuần, thậm chí hàng tháng, nhưng nhịn uống thì con người chỉ có thể sống được vài ngày và sẽ chết khi cơ thể mất nước từ 15-20% thể trọng. Lượng nước tối thiểu phải được cung cấp trên xuồng cứu sinh là 0,5 lít nước/ngày/người.

Phải hết sức tiết kiệm nước. Khi có thời cơ phải tranh thủ bổ sung nguồn nước (hứng nước mưa,



thậm chí dự trữ cả nước tiểu của mình,...). Luôn luôn có dụng cụ sẵn sàng hứng nước mưa.

Sang ngày thứ hai mới được sử dụng nguồn nước dự trữ. Mỗi ngày chỉ được uống dưới 500 ml/người, chia làm 3-4 lần. Khi nước sắp hết thì rút xuống còn khoảng 200 ml/ngày/người, chủ yếu dùng để thấm miệng và cổ họng.

Không được uống nước tiểu khi đang còn nước ngọt. Chỉ được dùng nước tiểu khi bất khả dĩ, vì nước tiểu người bị nạn thường rất cô đặc do cơ thể thiếu nước nên chứa nhiều chất thải độc, uống vào gây nôn mửa làm tăng thêm mất nước cho người.

Nếu trên tàu, xuống cấp cứu có chứa thuốc khử mặn hoặc có bình chưng cất nước biển thì sử dụng nó theo như hướng dẫn ghi trên các gói thuốc và bình chưng cất nước biển. Một số trường hợp sử dụng nước biển pha với nước ngọt để chống khát. Tuy nhiên, lượng nước biển sử dụng không được quá 200-300 ml/ngày/người.

## **2. Chống đói**

Ăn và uống có liên quan mật thiết với nhau. Khi đói, cơ thể duy trì sự sống bằng chất đạm của chính cơ thể mình, tất nhiên là không thể kéo dài được.

Khi uống ít, cơ thể không đòi hỏi phải ăn nhiều. Vì vậy, có thể giảm khẩu phần ăn xuống tỷ lệ thuận với khẩu phần nước uống. Ngược lại, khi có điều kiện uống thêm nước, nên tăng khẩu phần ăn để duy trì sức khỏe.

Lương thực cấp cứu thường được chế biến bằng chất đường và một phần chất bột. Không nên dùng chất đậm vì khi chuyển hoá, cơ thể cần nhiều nước hơn.

Cá, chim bắt được trên biển là nguồn bổ sung thức ăn tươi rất tốt, nhưng không được ăn nhiều cùng một lúc. Nên tránh các loại cá độc, ương, thối, chết và không ăn gan, trứng cá.

### **3. Phòng, chống say nắng**

Biểu hiện của say nắng: người mệt mỏi, chóng mặt, khát nước nhiều, cơ bắp bị co giật nhất là ở bụng và hai chi dưới. Khi bị nặng, da nóng, khô, mặt và mũi tím tái, mạch yếu, bất tỉnh, có thể gây tử vong do sốc nắng.

Cấp cứu, dự phòng:

- Căng vải, bạt, quần áo che nắng, nhưng không được chắn luồng gió mát. Nên che đầu, gáy, không để chân, tay phơi nắng lâu. Thỉnh thoảng đắp nước vào quần áo đang mặc để nước bốc hơi làm mát cơ thể.

- Khi ở trên xuồng có người say nắng, đặt nạn nhân nằm ở chỗ thoáng mát nhất (nơi đầu gió). Cho uống nước pha muối, bôi các loại thuốc như vazolin vào chỗ da bị bỏng nắng. Nếu có kính râm (kính mát) nên đeo để đề phòng mắt bị viêm. Nhỏ thuốc dicain 1% ngày 2-3 lần. Có thể bịt mắt bằng vải, băng màu sẫm có đục lỗ nhỏ để nhìn cũng tránh được các tác hại cho mắt.

#### **4. Phòng, chống nhiễm lạnh**

Vào mùa rét, mùa mưa gió, những người bị nạn trên biển thường bị nhiễm lạnh kéo theo dễ bị viêm nhiễm đường hô hấp, gây mất sức nhanh và nguy hiểm đến tính mạng.

Cấp cứu, dự phòng:

- Tận dụng các loại quần áo, chăn màn mang theo khi rời tàu để đắp, mặc cho ấm. Nếu bị ướt thì hong phơi ban ngày, tối đến lại mặc vào.

- Dùng vải bạt, nilon, chăn màn che gió, mưa và nước biển té vào.

- Ngồi sát bên nhau cho ấm, thay nhau che gió. Nên giữ ấm đầu.

- Không nên cử động nhiều để tiết kiệm năng lượng của cơ thể. Thỉnh thoảng vận động chân tay bằng cách xoa bóp làm cho máu lưu thông, chống lạnh cục bộ.

- Sử dụng khẩu phần ăn hợp lý để cung cấp nhiệt lượng cho cơ thể.

#### **5. Phòng, chống một số bệnh tật và hiểm họa trên biển**

5.1. Ngạt thở: khi người bị nạn ngạt thở do nước vào miệng, mũi phải kịp thời làm hô hấp nhân tạo ngay. Nên chọn phương pháp miệng - miệng, xoa bóp lồng ngực, toàn thân để kích thích tuần hoàn và hô hấp.

5.2. Say sóng: khi thấy nao nao, muốn ói mửa, mất ngủ đom đóm..., nên uống 1-2 viên thuốc chống

say sóng (có trong cơ sở trên xuồng cấp cứu). Có thể day, ấn huyết trung quản (giữa bờ dưới xương ức và rốn). Nếu nôn mửa nhiều, cho uống thêm nước bổ sung, uống từng ít một.

5.3. Chân bị phù, nề hoặc mọc mụn nhọt: Thỉnh thoảng cử động, co duỗi các khớp từ tay đến chân và toàn thân. Tự dùng tay mình xoa bóp cho mình hay xoa bóp lẫn nhau khi có đồng người trên cùng một xuồng, phao cấp cứu.

Khi có mụn, nhọt thì không nên chích hoặc nặn mủ vỡ dễ bị nhiễm trùng. Nên băng lại sau khi đó bôi mỡ kháng sinh.

5.4. Chóng mặt mỗi, suy nhược cơ thể: Nên thường xuyên thay đổi tư thế nằm, ngồi, thỉnh thoảng xoa bóp toàn thân, hít thở sâu, tranh thủ ngủ, thay phiên nhau ngủ, nghỉ. Chế độ ăn uống phải phù hợp với hoàn cảnh cho phép.

### III. CÁC TRỢ GIÚP TRONG HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM CỨU NẠN

#### **1. Hoạt động trợ giúp y tế trên biển**

##### **1.1. Liên lạc và thông báo tình trạng**

Khi hành trình trên vùng biển Việt Nam, trên phương tiện có thuyền viên bị đau ốm, bị thương hoặc người bị nạn được cứu lên tàu cần trợ giúp y tế, thuyền trưởng quyết định yêu cầu sự trợ giúp về y tế trên biển, cần thực hiện các thủ tục sau:

a) Trực tiếp hoặc thông qua Đài thông tin duyên hải để liên lạc với Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam hay cảng vụ hàng

hải gần nhất để thông báo tình hình và yêu cầu cụ thể được trợ giúp y tế trên biển.

b) Bằng các phương thức thông tin liên lạc đã đề cập ở trên, gửi các thông tin về tình trạng và yêu cầu giúp đỡ như sau:

- Tên tàu, hô hiệu;
- Tần số radio đang sử dụng;
- Vị trí tàu hiện thời, hướng, tốc độ;
- Tên nạn nhân, tuổi, giới tính, quốc tịch, ngôn ngữ;
- Tình trạng hô hấp, nhịp mạch, nhiệt độ cơ thể, huyết áp;
- Chỗ bị đau;
- Tình trạng chỗ bị đau hoặc bị thương hiện nay, những nguyên nhân hiện tại và tiền sử bệnh án;
- Triệu chứng;
- Thời gian uống, hình thức, liều lượng của tất cả các loại thuốc đã dùng;
- Thời điểm ăn cuối cùng;
- Khả năng ăn, uống, đi bộ hoặc cử động của bệnh nhân;
- Tình huống tai nạn, xảy ra như thế nào?
- Tàu đã điều trị bằng biện pháp nào? Trên tàu có bác sĩ hoặc một người có hiểu biết về y dược không?
- Các yêu cầu trợ giúp tiếp theo (trợ giúp y tế qua điện thoại hay yêu cầu chuyển nạn nhân về bờ);
- Có sẵn bãi trống để tàu bay trực thăng có thể hạ cánh an toàn trên tàu;
- Tên, địa chỉ, số điện thoại của đại lý tàu biển;
- Các thông tin khác.

Sau khi đã thông báo tình hình, tàu cần duy trì chế độ trực canh liên lạc với đài thông tin duyên hải để nhận được phản hồi.

### 1.2. Trợ giúp y tế trên biển từ xa

Đối với trường hợp trợ giúp y tế qua điện thoại (MEDICO): việc trợ giúp y tế qua điện thoại sẽ được thực hiện bằng phương thức qua hệ thống Đài thông tin duyên hải để kết nối liên lạc giữa bác sĩ với thuyền trưởng tàu có người bị nạn để trợ giúp việc cấp cứu, điều trị nạn nhân. Bác sĩ tư vấn cho việc cấp cứu, điều trị được huy động từ các nguồn sau đây:

- a) Trung tâm cứu nạn hàng hải;
- b) Trạm cấp cứu 115 tại địa phương;
- c) Bệnh viện đa khoa địa phương;
- d) Viện y học biển Việt Nam;

### 1.3. Trợ giúp y tế trực tiếp

Trường hợp theo yêu cầu của chủ tàu, đại lý, thuyền trưởng hoặc theo chỉ định của bác sĩ tư vấn điều trị nạn nhân (có sự đồng ý của thuyền trưởng) cần thiết phải cử nhân viên y tế trực tiếp ra tàu để cấp cứu, điều trị nạn nhân, thì chủ tàu, đại lý... phải tìm kiếm và thuê mướn phương tiện thích hợp (phương tiện thủy hay tàu bay...) để chuyên chở nhân viên y tế ra tàu.

### 1.4. Sơ tán y tế (MEDEVAC)

Theo chỉ định của bác sĩ tư vấn điều trị và chủ tàu, thuyền trưởng, đối với trường hợp cần thiết phải khẩn cấp đưa người bị nạn lên bờ để đưa đi điều trị gấp, cơ quan chủ trì cứu nạn sẽ thu xếp, cử phương

tiện là tàu (có thể cùng bác sĩ đi kèm) ra vị trí tàu có nạn nhân để vận chuyển đưa về bờ cấp cứu.

## **2. Lai kéo tàu trên biển**

### **2.1. Công tác chuẩn bị**

Trước khi điều động tàu đi lai kéo phải nắm chắc tình hình khí tượng thủy văn vùng biển tiến hành lai kéo, kiểm tra bảng bố trí lai kéo, chuẩn bị các thiết bị lai kéo, dây kéo, thiết bị chuyển dây kéo và phương tiện cố định dây kéo.

Trong quá trình lai dất phải treo đầy đủ tín hiệu ban ngày và ban đêm theo đúng quy định của Quy tắc tránh va COLREG.

Các thiết bị thường được chuẩn bị sẵn để sử dụng khi cần thiết là: móc buộc dây, ma ní, đoạn dây chữ V, phao tròn, dây ném, dây nhỏ để chuyển dây kéo...

### **2.2. Tiến hành lai kéo tàu trên biển**

#### **a) Chuyển dây kéo**

Nếu điều kiện thời tiết cho phép nên cập tàu vào tàu bị kéo để chuyển dây kéo sang. Khi hai tàu chuẩn bị xong, tàu kéo rời khỏi mạn tàu bị kéo và bắt đầu nối dây kéo từ từ, hết sức thận trọng.

Nếu điều kiện thời tiết không cho phép tiếp cận gần tàu bị kéo thì có thể hạ xuống chuyển dây kéo hoặc sử dụng dây mồi.

Khi đi ngoài khơi, thường người ta sử dụng dây mồi hoặc súng bắn dây để chuyển dây kéo. Khoảng cách giữa hai tàu phải bảo đảm nắm được dây và

an toàn cho tàu. Nếu độ dài của tàu kéo lớn hơn tàu bị kéo thì nên tiếp cận trên gió và ngược lại.

Khi đã hoàn thành công tác chuẩn bị trên tàu, tàu kéo đi dọc tàu bị kéo và giữ sức đà để cho đuôi tàu kéo nằm ở phần mũi tàu bị kéo, căn cứ vào điều kiện thời tiết và kích thước của tàu để điều chỉnh khoảng cách của hai tàu cho phù hợp, sau đó tiến hành chuyển dây mồi sang tàu bị kéo, tàu bị kéo sử dụng dây mồi đó để thu dây kéo tàu sang tàu mình.

Khi thời tiết xấu, nên tiếp cận đuôi tàu kéo vào tàu bị kéo và từ phía dưới gió để khi lùi ngược gió dễ điều khiển hơn.

Khi sóng lớn, không có súng bắn dây thì dùng dây dẫn nổi để chuyển dây. Buộc 2-3 phao cứu sinh vào dây dẫn để đánh dấu vị trí của nó trên mặt nước. Sau khi nối xong dây kéo có phao đánh dấu buộc phía lái tàu, tàu kéo từ từ đi dọc mạn trên gió của tàu bị kéo và vòng qua mũi nó để đưa dây dẫn đến tàu bị kéo. Trên tàu bị kéo, dùng móc để vớt dây dẫn lên tàu.

b) Tiến hành lai kéo





Chú ý khi tàu kéo bắt đầu chuyển động là lúc dây kéo chịu tải trọng lớn nhất. Do vậy, sử dụng trôn tới vừa phải để dây kéo căng từ từ, không bị đứt. Khi dây kéo căng bắt đầu lên khỏi mặt nước cho máy tiến chậm, sau đó từ từ tăng số vòng quay của máy để tăng tốc độ chuyển động.

Trong quá trình kéo, khi tăng tốc độ đến trị số tính toán phải hết sức thận trọng quan sát dây kéo tàu. Khi sức tải của dây kéo tàu không đều (bị giật) có thể làm đứt dây. Khi quay trở, sức cản kéo tăng nên phải sử dụng tốc độ quay nhỏ. Kinh nghiệm cho thấy, với bất cứ lực giật nào cũng không để dây kéo nhô lên khỏi mặt nước.

Cả hai phương tiện đều phải tổ chức trực canh quan sát phát hiện những phương tiện có thể đi cắt ngang qua dây kéo. Đặc biệt, tàu được kéo phải bố trí người lái đề phòng trường hợp tàu được kéo đâm va với tàu kéo do việc giảm tốc độ hay chuyển hướng đột ngột của tàu kéo. Tàu được kéo luôn duy trì hướng đi trùng với hướng của dây kéo tàu.

Giữa các tàu phải thường xuyên duy trì thông tin liên lạc. Sĩ quan trực ca tàu kéo phải thông báo cho tàu bị kéo biết những thay đổi về hướng đi, tốc độ lai kéo, dự báo thời tiết và kế hoạch dự định thực hiện...

Trong quá trình lai kéo phải bố trí đầy đủ tín hiệu ban ngày và ban đêm.

## IV. PHƯƠNG PHÁP CHỐNG CHÌM, CHỐNG CHÁY

### 1. Công tác cứu thủng trên biển

#### 1.1. Thứ tự của công tác cứu thủng tàu thuyền

a) Phát hiện chỗ hư hỏng của thân tàu, xác định vị trí và kích thước vị trí nước tràn vào tàu;

b) Tiến hành áp dụng mọi biện pháp để ngăn chặn, hạn chế không cho nước vào tàu, nước lan tràn sang các khoang khác của tàu và lan tràn ra toàn tàu;

c) Bơm hút nước ra khỏi tàu;

d) Tăng cường củng cố, bảo đảm vững chắc các vị trí vừa được chống thủng, bảo đảm kín nước một cách tối đa bằng các dụng cụ chuyên dụng chống chìm, chống đỡ, cố định;

đ) Phục hồi độ kín nước của thành tàu, chống đỡ, tăng cường độ bền vững của các liên kết ngang, dọc.

#### 1.2. Hoạt động cứu thủng

Hoạt động cứu thủng phải được tiến hành đồng thời bao gồm cả trợ giúp từ xa về tư vấn kỹ thuật để phương tiện bị nạn có thể tự khắc phục trong khi chờ đợi sự chi viện, trợ giúp trực tiếp;

Với những lỗ thủng nhỏ, thường cứu thủng bằng các kỹ thuật chủ yếu sau:

a) Sử dụng các thiết bị, vật tư để bịt lỗ thủng: Với những lỗ thủng trên thân tàu nhỏ, người ta có thể sử dụng các thiết bị chuyên dụng để bịt lỗ thủng, ngăn không cho nước tràn vào tàu. Bao gồm:

- Đệm mềm (thảm), đệm nửa cứng: sử dụng để bịt các lỗ thủng, vết nứt ở những nơi mà không sử dụng các thiết bị khác được;

- Đệm cứng: để bịt các lỗ thủng trên vách, mạn phẳng có mép quần bị phá uốn vào bên trong hoặc cong ra ngoài. Tiến hành bịt từ phía trong tàu;

- Đệm kim loại hình van: để bịt các lỗ thủng nhỏ, có thể bịt từ bên trong ra cũng như từ bên ngoài vào;

- Tấm thép gấp: sử dụng bịt các lỗ thủng nhỏ ở mạn tàu, mép quần lỗ thủng uốn vào trong;

- Nút gỗ: dùng để bịt các lỗ thủng nhỏ ở thân tàu, vách ngăn có tính tạm thời;

- Các thiết bị, dụng cụ phụ trợ: cột chống, kẹp vạn năng, tăng đỡ, thanh vạn có đầu xoay chữ T...

Sau khi tiến hành bịt lỗ thủng bằng các thiết bị dụng cụ như trên, cần thiết phải gia cường chỗ bịt thủng bằng việc gia cường cột đỡ, đỡ bê tông, hàn điện... để tăng khả năng chịu lực của chỗ được bịt thủng;

b) Với những vết thủng lớn, khả năng bịt thủng của tàu là không thể thực hiện được, phải tiến hành các biện pháp cứu đắm tàu:

- Phương pháp móc: sử dụng một dây cáp quấn quanh phần thấp của tàu bị nạn, cả hai đầu dây cáp được buộc vào các phao cứu đắm;

- Buộc dây tới vật cố định: một đầu dây được buộc vào bích hoặc một cấu trúc cố định, chắc chắn của tàu, đầu kia nối với phao cứu đắm;

- Dùng tàu giũ: hai tàu cứu hộ được điều động tới vị trí dọc mạn, song song với tàu bị nạn ở khoảng cách thích hợp, sau đó dây cáp được luồn qua phía dưới của tàu bị nạn và được cố định vào hai tàu cứu hộ. Chú ý việc buộc dây có thể tháo bỏ được ngay khi có tình huống bất trắc xảy ra;

**Một số phương tiện, thiết bị phục vụ  
trục vớt, cứu đắm tàu**



- Dùng cần cẩu nổi: đây là phương pháp hiệu quả nhất để chống chìm nếu bố trí được cần cẩu nổi và tàu kéo đến hiện trường;

- Phương pháp vào cạn: nếu có thể, tiến hành đưa hoặc chỉ dẫn cho tàu bị nạn tới vùng nước nông có chất đáy phù hợp để gác cạn.

## **2. Công tác cứu hỏa trên biển**

### **2.1. Phân loại đám cháy và nguyên tắc chữa cháy**

*Cháy loại A:* cháy được phát sinh từ chất dễ cháy như gỗ, bông, vải, sợi, giấy, dây, than... Với các chất cháy này khi cháy lửa có thể thâm nhập vào bên trong chất cháy. Cách chữa cháy có hiệu quả đối với loại cháy này là xịt nước. Phải tưới đủ nước để hạ nhiệt độ, nếu không lửa sẽ bùng trở lại.

*Cháy loại B:* cháy phát sinh từ chất lỏng dễ cháy như dầu, mỡ, cồn, sơn, nhựa đường, parafin, dầu thực vật, dầu động vật... Loại cháy này chỉ giới hạn trên bề mặt của chất cháy nhưng có nguy cơ nổ. Muốn dập tắt loại này chỉ cần ngăn cách bề mặt của chất cháy với không khí bằng cách phun bột tạo thành màng bao phủ bề mặt chất cháy, hoặc nạp khí CO<sub>2</sub>, hoặc hơi nước hoặc khí trơ vào khoang, buồng đang bị cháy. Không được dùng vòi rồng xịt nước vào loại đám cháy này vì dầu nhẹ hơn nước và nổi lên trên mặt nước làm cho đám cháy lan rộng hơn.

*Cháy loại C:* là loại cháy do điện bị chập mạch hoặc rò, hở. Chỉ được chữa cháy ở đường dây điện và thiết bị điện bằng khí CO<sub>2</sub> hay Tetracolorua (Cl<sub>4</sub>C). Không được chữa cháy bằng bột và nước vì chúng

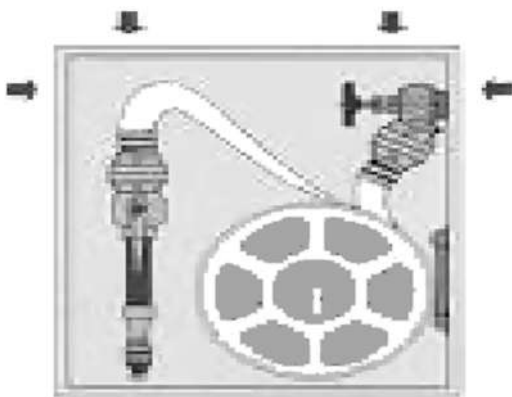


dẫn điện. Trong trường hợp không sợ ảnh hưởng đến tính năng của thiết bị có thể dùng cát khô dập lửa trên diện tích hẹp.

*Cháy loại D:* là loại cháy kim loại như magiê, Kali, bột nhôm, Natri và các chất như phim ảnh... Cách chữa cháy loại này phải được phân loại kỹ càng. Có thể dùng  $\text{CO}_2$  hay bột khô.

2.2. Thiết bị, dụng cụ chữa cháy thường sử dụng trên tàu

a) *Hệ thống chữa cháy bằng phun nước từ vòi rồng*



Công dụng: thích hợp chữa đám cháy loại A, áp lực mạnh của luồng nước và hiệu quả làm nguội của luồng nước có thể làm tắt lửa và than hồng. Có thể dùng cách phun nước để thổi ngọn lửa do cháy dầu trên boong tàu xuống nước và phun nước để giữ khoảng cách giữa tàu và đám cháy dầu trên biển.

Cấu tạo: bao gồm bơm, hệ thống đường ống, vòi rồng, vòi phun... Bơm nước chữa cháy phải có đủ lưu lượng và cột nước theo quy định, đường ống chính và đường ống nhánh bằng thép liên mạ kẽm, van chữa cháy và vòi rồng cùng với vòi phun phải có số lượng đủ để đảm bảo cho mỗi vị trí trên tàu có thể nhận được nước từ 02 vòi rồng. Các nút xả dùng để xả nước động ra khỏi đường ống để phòng vỡ ống khi tàu chạy vùng lạnh. Các van ngắt một chiều được sử dụng trong trường hợp có hai hoặc nhiều bơm ghép lại hoặc trường hợp nhận nước từ bờ hoặc từ tàu khác qua đầu nối quốc tế.

#### *b) Thiết bị chữa cháy bằng hơi nước*

Công dụng: dùng để chữa cháy trong buồng và hầm hàng.

Cấu tạo bao gồm: nồi hơi và hệ thống đường ống chuyên dùng để dẫn hơi nước đến hầm hàng (dầu), khoang chứa nhiên liệu, buồng máy, kho vật tư... Hơi nước được lấy từ hộp phân phối nước có nhiệt độ  $100^{\circ}\text{C}$  (nhiệt độ cao hơn không thể dùng để chữa cháy được) áp lực từ  $5\text{--}12\text{ kg/cm}^2$ . Hộp phân phối và van điều khiển của hệ thống đều được sơn màu đỏ, trên các đường ống nối tới các khoang hầm

đều có ghi tên khoang hầm tương ứng. Các van đều có khóa tạm thời để bảo vệ.

*c) Thiết bị chữa cháy cố định bằng bọt*

- Dùng để chữa cháy dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ.
- Phân loại:

+ Thiết bị chữa cháy bằng bọt hóa học: cấu tạo gồm bình phát bọt, các bình đựng hóa chất tạo bọt và hệ thống đường ống dẫn bọt có đầu phun bọt. Khi hoạt động, các chất hóa học bicacbonat natri và sunfat nhôm từ các bình chứa được đưa sang bình phát bọt tác dụng với nước tạo thành bọt có áp suất đủ mạnh để dẫn theo đường ống phun ra xa đến 30m, lưu tốc đạt 3-6 m/giây.

+ Thiết bị chống cháy bằng bọt cơ học: cấu tạo bao gồm bình chứa chất lỏng tạo bọt, bình phát bọt, hệ thống ống dẫn. Khi hoạt động, nước và chất lỏng tạo bọt cùng không khí trộn lẫn tạo thành bọt và phun ra ở đầu vòi phun.

Loại bọt cơ này kém bền so với bọt hóa học, do đó chữa cháy xăng kém hiệu quả. Tuy nhiên, nó phù hợp với chữa cháy ở buồng máy.

- Khi chữa cháy bằng bọt cần lưu ý khi phun không được hướng vòi phun bọt vào gốc ngọn lửa vì sẽ làm cho ngọn lửa lan ra. Phải hướng vòi phun vào nơi có ngọn lửa yếu nhất rồi chuyển dần đến đỉnh ngọn lửa cho đến khi phủ đầy một lớp bọt dày 15-20 cm. Trường hợp cháy chất lỏng trên boong tàu cũng có thể dùng bọt cắt dòng chảy và phủ bọt để cách ly, cuối cùng dập tắt cháy.



*d) Hệ thống chữa cháy bằng khí CO<sub>2</sub>*

- Đặc tính của khí CO<sub>2</sub>: khí CO<sub>2</sub> (carbon dioxide) là khí trơ, không mùi, không ăn mòn sắt thép và các vật liệu khác, không dẫn điện, nặng hơn không khí. Vì vậy, khi dùng khí CO<sub>2</sub> để chữa cháy có thể cách ly nhanh chóng vùng cần bảo vệ với Oxy trong khí quyển. Tuy vậy, khí CO<sub>2</sub> gây ngạt thở, nên hệ thống này chỉ được dùng chữa cháy trong khoang kín không có người.

- Khí CO<sub>2</sub> không dẫn điện, là chất tốt nhất để chữa cháy loại C, cũng có thể sử dụng để kiềm chế đám cháy loại A và B một cách hiệu quả trước khi sử dụng chất chữa cháy khác.

- Cấu tạo hệ thống chữa cháy CO<sub>2</sub>:

- + Các bình chứa CO<sub>2</sub>;
- + Hộp van phân phối;
- + Hộp đầu mối;
- + Van chặn chính;
- + Đường ống dẫn CO<sub>2</sub> đến từng khoang hầm chống cháy;
- + Thiết bị truyền động mở van từng bình CO<sub>2</sub>;

*đ) Bình chữa cháy xách tay kiềm - axit*

- Loại bình này chỉ sử dụng để chữa cháy khi ngọn lửa mới phát ra và là loại cháy thường, không sử dụng để chữa cháy dầu. Khi chữa cháy điện phải ngắt điện trước khi sử dụng. Loại bình này mỗi năm phải được thay hóa chất một lần.

- Cấu tạo của bình như hình dưới đây:

Khi sử dụng, cần dốc ngược bình, axit chảy ra khỏi lọ, trộn lẫn vào dung dịch  $\text{NaHCO}_3$  gây phản ứng hóa học tạo ra khí  $\text{CO}_2$ , áp suất trong bình tăng dần làm cho bột phun ra khoảng cách tới 12m.



e) *Bình bọt chữa cháy xách tay*

- Thích hợp cho chữa cháy dầu, không dùng để chữa cháy cồn, chỉ chữa cháy điện khi đã ngắt điện.

- Có hai loại bình bọt:

+ Bình bọt hóa học: gồm bình chứa sunfat nhôm ở bên trong và bình chứa bicarbonate soda bao bọc bên ngoài. Khi dốc ngược bình, hai dung dịch trộn lẫn vào nhau gây ra phản ứng hóa học tạo ra bọt và  $\text{CO}_2$ , dưới áp lực trong bình, chúng được phun ra với khoảng cách khoảng 12m;



+ Bình bọt cơ học: gồm có túi plastic đựng đầy bọt, đặt bên trong bình chứa nước, bình chứa khí nén  $\text{CO}_2$ , mũi đột, nắp chắn, nút đập, ống dẫn, vòi phun...;

+ Bình bọt chữa cháy hóa học có nhược điểm là phải lật ngược bình khi sử dụng, còn bình cơ học thì khi sử dụng không cần thiết phải lật ngược bình và không phải chờ đợi phản ứng hóa học tạo ra áp lực như trong bình hóa học, không gây chậm trễ khi khẩn cấp, sử dụng rất đáng tin cậy.

#### *g) Bình $\text{CO}_2$ xách tay*

- Cấu tạo của bình  $\text{CO}_2$  như hình dưới đây:

Khi sử dụng rút chốt, ấn vào nút đập làm cho mũi đột chọc nắp chặn khiến nắp chặn bị vỡ. Dưới áp lực của khí nén, thoát theo đường ống dẫn đến vòi phun thoát ra ngoài.



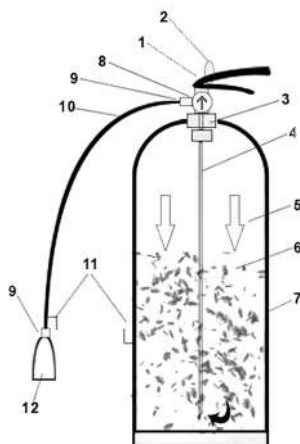
- Công dụng: thích hợp trong việc chữa cháy các chất cháy lỏng và thiết bị điện. Khi sử dụng cần chú ý cầm bình chữa cháy đứng ở đầu gió gần nơi bị cháy. Không nên chĩa luồng  $\text{CO}_2$  vào người vì áp suất cao có thể gây sát thương và ngạt.

### *h) Bình chữa cháy xách tay bột khô*

- Thích hợp cho việc sử dụng để chữa cháy chất cháy loại B và cháy điện.

- Cấu tạo của bình như hình dưới đây:

1. Cụm van ♦ quai xách
2. Chốt hãm ♦ kẹp chì
3. Đai ốc ♦ cụm van
4. Ống dẫn trong
5. Khí đẩy
6. Bột
7. Thân bình
8. Áp kế
9. Đai ốc vòi
10. Vòi
11. Gác vòi
12. Loa phun



- Khi sử dụng, rút chốt và đập nút trên cùng, dưới áp lực của khí nén, chất hóa học sẽ được phun vào đám cháy.

### **2.3. Thực hành công tác chữa cháy trên tàu**

#### *a) Công tác chuẩn bị*

Các thiết bị dụng cụ chữa cháy bao gồm các bình cứu hỏa xách tay, hệ thống tạo bọt, hệ thống chữa cháy cố định trên tàu, quần áo chống cháy, bình thở, các máy bơm cứu hỏa sự cố...

Tìm hiểu thông tin cụ thể về đám cháy đang xảy ra với phương tiện cần trợ giúp, vị trí hỏa hoạn, tính chất đám cháy, số người bị thương, khả năng

khắc phục... để có sự chuẩn bị tối ưu nhất cho việc trợ giúp.

### Một số loại bình cứu hỏa xách tay



Tư vấn cho tàu bị nạn hướng chạy tối ưu sao cho khu vực bị hoả hoạn luôn nằm ở phía dưới gió so với khu vực an toàn, tránh đám cháy lan rộng.

Tư vấn cho tàu bị nạn có biện pháp chữa cháy để tạm thời khắc phục và có thể dập tắt hoả hoạn bằng các thiết bị của họ.

### *b) Tiến hành cứu hỏa*

- Phương tiện trợ giúp phải tìm cách tiếp cận phương tiện bị nạn ở phía trên gió. Khi thực hiện cứu hỏa, người chữa cháy cũng phải tiếp cận về phía trên gió so với khu vực cháy. Tùy thuộc vào tính chất của đám cháy và khu vực hỏa hoạn mà sử dụng thiết bị cũng như chất chữa cháy phù hợp;



- Đối với đám cháy loại A là đám cháy từ các chất rắn dễ cháy như giấy, gỗ, cao su, vải... và các loại nhựa. Với các đám cháy loại này, nước là chất dập lửa hiệu quả nhất, nước được phun ra dạng tia hoặc sương mù có thể được sử dụng để dập tắt đám cháy và tạo được một màn chắn ngăn cách đám cháy với người chữa cháy;



- Đối với đám cháy loại B là đám cháy sinh ra từ các chất lỏng dễ cháy như xăng, dầu, mỡ, sơn... và các loại dầu mỡ khác;

Việc dập tắt những đám cháy này nếu thực hiện bằng nước rất khó khăn và không an toàn do tính chất lan chảy của chất lỏng, không được phun nước thành dòng thẳng vào đám cháy vì điều này chỉ làm cho đám cháy lan rộng thêm. Vì vậy, để dập tắt đám cháy loại này, phương pháp tốt nhất là ngăn cách đám cháy bằng cách phủ lên nó một lớp bột từ bình bột chữa cháy. Phải kiên trì cùng với việc đảm bảo một sự cung cấp liên tục nguồn bột chữa cháy, không được để gián đoạn nguồn cung cấp bột;

- Đối với đám cháy loại C là đám cháy liên quan đến các thiết bị điện, hành động đầu tiên phải làm là ngắt ngay nguồn cung cấp điện (lưu ý

điều này không phải bao giờ cũng thực hiện được). Để tránh sự lan truyền của đám cháy, điều cần thiết là phải tiến hành chữa cháy trước khi nguồn cung cấp điện được cắt, vì thế chất chữa cháy phải là chất không dẫn điện. Với đám cháy loại này, chất  $\text{CO}_2$  là chất chữa cháy thích hợp nhất theo nguyên lý làm ngắt ngọn lửa bằng cách loại trừ oxy ra khỏi vùng cháy, đặc biệt là trong các khu vực hẹp như các khoang máy móc, buồng bơm, buồng điện... Nên nhớ việc dùng  $\text{CO}_2$  để dập tắt đám cháy điện sẽ ít hiệu quả nếu đám cháy ở phía dưới có cửa mở thông. Một chất khác cũng được sử dụng với đám cháy điện là bột khô, bột khô có tác dụng tương tự  $\text{CO}_2$ . Khi các thiết bị điện đó được cắt điện thì việc chữa cháy có thể được áp dụng như đối với cháy loại A, B;

- Đối với đám cháy loại D là đám cháy xuất phát từ kim loại dễ cháy như manhê, kali, natri, lithium... những đám cháy loại này thường ít xảy ra song đòi hỏi phải có phương pháp chữa cháy đặc biệt, với đám cháy loại này không được sử dụng nước.



# PHỤ LỤC

## *Phụ lục I*

### **ĐẦU MỐI THÔNG TIN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TRONG HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM CỨU NẠN**

#### **A. CÁC ĐƠN VỊ TÌM KIẾM CỨU NẠN CHUYÊN NGHIỆP**

##### **1. Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn**

- Địa chỉ Văn phòng Ủy ban: Số 26 Hoàng Diệu -  
Ba Đình - Hà Nội

- Điện thoại trực ban: 069.553612; 069.553611;  
0243.7333664

- Điện thoại trực chỉ huy: 069.553562

- Fax: 0243.7333845; 069.553611

##### **2. Trung tâm phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam**

Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam (Vietnam MRCC) <i>Địa chỉ:</i> Số 11A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	<i>Tel:</i> (024) 37683050 <i>Fax:</i> (024) 37683048 <i>Email:</i> rescuevietnam@yahoo.com.vn
--	--

<p>Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực I (Haiphong MRCC)</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 1A Minh Khai, thành phố Hải Phòng</p>	<p><i>Tel:</i> (0225) 3759508 <i>Fax:</i> (0225) 3759507</p> <p><i>Tel:</i> (0239) 3868967 <i>Fax:</i> (0239) 3868968</p>
<p>Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực II (Danang MRCC)</p> <p><i>Địa chỉ:</i> đường Hoàng Sa, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng</p>	<p><i>Tel:</i> (0236) 3924957 <i>Fax:</i> (0236) 3924956</p>
<p>Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực III (Vungtau MRCC)</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 1151/45 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu</p>	<p><i>Tel:</i> (0254) 3856906 <i>Fax:</i> (0254) 3512374</p>
<p>Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực IV (Nha Trang MRCC)</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 65 đường Nguyễn Văn Linh, thôn Thành Đạt, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang</p>	<p><i>Tel:</i> (0258) 3880373 <i>Fax:</i> (0258) 3880517</p>

### **3. Các đơn vị thuộc ngành hàng không**

#### *3.1. Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không*

Địa chỉ	5/200 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Điện thoại	(84-24) 38727797 (24h/24h) - 38271513/14 *Máy lẻ: 4665/4344 (24h/24h)
Fax	(84-24) 38729404 (24h/24h) - 38722737
AFTN (AFS)	VVVYQYC
Email	Sar@vatm.vn
URL	<a href="http://www.vatm.vn">http://www.vatm.vn</a>
Phương thức khác	Hotline với các Trung tâm hiệp đồng tìm kiếm cứu nạn thuộc Công ty quản lý bay miền Bắc, Trung, Nam và các Trung tâm khẩn nguy sân bay (Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất)
Hoạt động	24h/24h

### *3.2. Trung tâm hiệp đồng tìm kiếm cứu nạn - Công ty quản lý bay miền Bắc*

Địa chỉ	Sân bay quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại	(84-24) 38865541 (24h/24h) 38860961 * Máy lẻ: 3014 (24h/24h)
Fax	(84-24) 38865541 (24h/24h)
AFTN (AFS)	VVNBQYC
Email	Sar66@yahoo.com
URL	<a href="http://www.vatm.vn">www.vatm.vn</a>

Phương thức khác	Hotline với Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không, điện thoại Inmarsat, thoại vô tuyến HF/VHF
Hoạt động	24h/24h

### *3.3. Trung tâm hiệp đồng tìm kiếm cứu nạn - Công ty quản lý bay miền Trung*

Địa chỉ	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại	(84-0236) 3811666 (24h/24h) 0236 3813814 * Máy lẻ: 232 (24h/24h)
Fax	(84-0236) 3811666 (24h/24h)
AFTN (AFS)	VVDNYQYC
Email	tkcnmt@yahoo.com
URL	www.vatm.vn
Phương thức khác	Hotline với Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không, điện thoại Inmarsat, thoại vô tuyến HF/VHF
Hoạt động	24h/24h

### *3.4. Trung tâm hiệp đồng tìm kiếm cứu nạn - Công ty quản lý bay miền Nam*

Địa chỉ	Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, 22 Trần Quốc Hoàn, phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
---------	---

Điện thoại	(84-28) 38446495 (24h/24h) 028.38440539 * Máy lẻ: 6332 (24h/24h)
Fax	(84-28) 38446495 (24h/24h)
AFTN (AFS)	VVTSYQYC
Email	Mn.tkc@vatm.vn
URL	www.vatm.vn
Phương thức khác	Hotline với Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không, điện thoại Inmarsat, thoại vô tuyến HF/VHF
Hoạt động	24h/24h

## B. CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP LIÊN QUAN

### 1. Công ty thông tin điện tử hàng hải Việt Nam

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
1	Công ty thông tin điện tử hàng hải Việt Nam	Số 2, Nguyễn Thượng Hiền, thành phố Hải Phòng	Tel: 0225. 3842760 Fax: 0225. 3747062
2	Đài thông tin mặt đất INMARSAT Hải Phòng	Km7, đường Đồ Sơn, Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng	Tel: 0225. 3880114 Fax: 0225. 3981615
3	Trung tâm điều hành thông tin vệ tinh COMPAS-SARSAT	Số 2, Nguyễn Thượng Hiền, thành phố Hải Phòng	Tel: 0225. 3822181 Fax: 0225. 3842979

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
4	Đài thông tin duyên hải Móng Cái/Móng Cái radio/XVQ	Số 4, Hữu Nghị, Hòa Lạc, Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Tel:0203.3886280 Fax:0203.3881320
5	Đài thông tin duyên hải Cửa Ông/Cửa Ông radio/ XVC	Cảng vụ Cửa Ông, Cửa Ông, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Tel: 0203.3865513 Fax: 0203.3734785
6	Đài thông tin duyên hải Hòn Gai/Hòn Gai radio/ XVT	Số 10, Lê Thánh Tông, Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Tel: 0203.3826268 Fax: 0203.3828600
7	Đài thông tin duyên hải Hải Phòng/Hải Phòng radio/XVG	Số 2, Nguyễn Thượng Hiền, thành phố Hải Phòng	Tel:0225.3842066 Fax:0225.3842979
8	Đài thông tin duyên hải Bạch Long Vĩ/Bạch Long Vĩ radio	Đền biển Bạch Long Vĩ, huyện Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng	Tel: 0225.3889621
9	Đài thông tin duyên hải Thanh Hóa/Thanh Hóa radio	Thôn Nam Yên, xã Hải Yên, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Tel: 0237.3862584 Fax: 0237.3613123
10	Đài thông tin duyên hải Bến Thủy/Bến Thủy radio/XVB	Khu nhà nghỉ A7 cảng Cửa Lò, Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	Tel: 0238.3952577 Fax: 0238.3951177
11	Đài thông tin duyên hải Hòn La/Hòn La radio	Cảng vụ Hàng Hải Vung Áng, Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Tel: 0239.3854202 Fax: 0239.3854135

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
12	Đài thông tin duyên hải Cửa Việt/Cửa Việt radio	Cảng vụ Hàng Hải Quảng Trị, xã Gio Hải, Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Tel: 0233.3824292 Fax: 0233.3824294
13	Đài thông tin duyên hải Huế/Huế radio	Cảng vụ Thuận An, thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Tel: 0234.3856802 Fax: 0234.3856801
14	Đài thông tin duyên hải Đà Nẵng/Đà Nẵng radio	Số 261 Nguyễn Văn Linh, Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Tel: 0236.3655960 Fax: 0236.3650177
15	Đài thông tin duyên hải Dung Quất/Dung Quất radio	Đền biển Kỳ Hà, xã Tam Quang, Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Tel: 0235.3872501 Fax: 0235.3872501
16	Đài thông tin duyên hải Lý Sơn/Lý Sơn radio	Đền biển Ba Làng An, thôn Phú Quý, xã Bình Châu, Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Tel: 0255.3626469
17	Đài thông tin duyên hải Quy Nhơn	Số 2, Phan Chu Trinh, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Tel: 0256.3891334 Fax: 0256.3891333
18	Đài thông tin duyên hải Phú Yên/Phú Yên radio	Đường Lê Duẩn, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Tel: 0257.3842681 Fax: 0257.3842680

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
19	Đài thông tin duyên hải Nha Trang/Nha Trang radio	Số 40/1, Trần Phú, Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang	Tel: 0258.3590099 Fax: 0258.3590098
20	Đài thông tin duyên hải Cam Ranh/ Cam Ranh radio	Thủy Triều, phường Cam Hải Đông, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Tel: 0258.3989148 Fax: 0258.3989181
21	Đài thông tin duyên hải Phan Rang/ Phan Rang radio	Đường 16/4, phường Mỹ Bình, thành phố Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận	Tel: 0259.3839027 Fax: 0259.3839028
22	Đài thông tin duyên hải Phan Thiết/ Phan Thiết radio	Khu phố 5, phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Tel: 0252.3833092 Fax: 0252.3833085
23	Đài thông tin duyên hải Hồ Chí Minh/ Hồ Chí Minh radio	Số 432-436, Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Tel: 028.39404148 Fax: 028.39404581
24	Đài thông tin duyên hải Bạc Liêu/ Bạc Liêu radio	Ấp nhà Mát, xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Tel: 0294.3839087
25	Đài thông tin duyên hải Vũng Tàu	Số 259A, Lê Hồng Phong, Phường 8, thành phố Vũng Tàu	Tel: 0254.3852890 Fax: 0254.3844596



STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
26	Đài thông tin duyên hải Cần Thơ	Số 14/11 Lê Hồng Phong, thành phố Cần Thơ	Tel: 0292.3841240 Fax: 0292.3841240
27	Đài thông tin duyên hải Côn Đảo/Côn Đảo radio	Huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tel: 0254.3630486 Fax: 0254.3830778
28	Đài thông tin duyên hải Kiên Giang/ Kiên Giang radio	Số 546, Ngõ Quyển, Vĩnh Lạc, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Tel: 0297.3812306 Fax: 0297.3812603
29	Đài thông tin duyên hải Cà Mau/ Cà Mau radio	Khóm 5, phường 1, đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau	Tel: 0290.3811507 Fax: 0290.3590455
30	Đài thông tin duyên hải Thổ Chu/ Thổ Chu radio	Đền biển mũi Nai, xã Đào Dài, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang	Tel: 0292.3888595 Fax: 0292.3888797
31	Đài thông tin duyên hải Phú Quốc/ Phú Quốc radio	Đền biển Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Tel: 0297.3848638

## 2. Các cơ sở y tế - cấp cứu

1	Bệnh viện Đà Nẵng 103, Quang Trung, thành phố Đà Nẵng	Tel: 0236.3826755 Fax: 0236.3829966
2	Bệnh viện Da liễu 91, Dũng Sĩ, Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Tel: 0236.3756951 Fax: 0236.3756970
3	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng Tổ 49c, Mỹ Đa Đông, Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	Tel: 0236.3952704 Fax: 0236.3952705

4	Trung tâm cấp cứu 115, số 126, Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng	Tel: 0236.3822116 hoặc: 115
5	Bệnh viện C Đà Nẵng 122, Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng	0236.3821480
6	Bệnh viện Quân y 17 Quân khu 5, số 2 Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Đà Nẵng	Tel: 069.722351
7	Bệnh viện Chợ Rẫy	Tel: 028.38563534 028.38554137
8	Bệnh viện Thống Nhất	Tel: 028.38640261 028.38640339
9	Bệnh viện 175	Tel: 028.38941040 069.651378
10	Bệnh viện Trưng Vương	Tel: 028.38656744 028.38659852
11	Trung tâm cấp cứu Thành phố Hồ Chí Minh	Tel: 028.38639140
12	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Tel: 028.39234332
13	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk	Tel: 0262.3852663
14	Bệnh viện đa khoa Buôn Ma Thuột	Tel: 0262.3852282
15	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Tel: 0263.3821369
16	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Tel: 0297.3863621
17	Bệnh viện đa khoa Phú Quốc	Tel: 0297.3846074
18	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau	Tel: 0290.3831015
19	Bệnh viện đa khoa thành phố Cà Mau	Tel: 0290.3831201
20	Bệnh viện Vũng Tàu	Tel: 0254.3825178
21	Các Trung tâm cấp cứu 115 thuộc Bệnh viện đa khoa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tel: (mã vùng) 115

### **3. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn một số bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

*3.1. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Bộ Giao thông vận tải*

- Địa chỉ: Số 80 Trần Hưng Đạo - Hà Nội
- Điện thoại: 024. 39410235
- Fax: 024. 39421242

*3.2. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn*

- Địa chỉ: Số 2 Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội
- Điện thoại: 024. 37335694
- Fax: 024. 37335697

*3.3. Ban Chỉ huy ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Bộ Công an*

- Địa chỉ: Số 47 Phạm Văn Đồng - Bắc Từ Liêm - Hà Nội

- Điện thoại: 069. 20160
- Fax: 069. 20158, 024. 39412049

*3.4. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Bộ Y tế*

- Địa chỉ: Số 138 Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội
- Điện thoại: 024. 62732273
- Fax: 024. 62732207

*3.5. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Công Thương*

- Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 22218315 - 024. 39393661

- Fax: 024. 22218321

*3.6. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Tài chính*

- Địa chỉ: Số 28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 22202828

- Fax: 024. 22208020

*3.7. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

- Địa chỉ: Số 6B Hoàng Diệu - Ba Đình - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 38455298

- Fax: 024. 38234453

*3.8. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Thông tin và Truyền thông*

- Địa chỉ: Số 18 Nguyễn Du - Hoàn Kiếm - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 37820990

- Fax: 024. 37820998

*3.9. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Ngoại giao*

- Địa chỉ: Tầng 8 số 2 Lê Quang Đạo - Mỹ Đình - Nam Từ Liêm - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 37995616

- Fax: 024. 37995600

*3.10. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Cục Hàng hải Việt Nam*

- Địa chỉ: Số 11A Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 37683050

- Fax: 024. 37683048

*3.11. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Tài nguyên và Môi trường*

- Địa chỉ: Số 83 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 37759586

- Fax: 024. 32595373

*3.12. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Xây dựng*

- Địa chỉ: Số 37 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 38217053 - 024. 39760271

- Fax: 024. 39762153

*3.13. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Khoa học và Công nghệ*

- Địa chỉ: Số 113 Trần Duy Hưng - Cầu Giấy - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 35563456

*3.14. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Giáo dục và Đào tạo*

- Địa chỉ: Số 49 Đại Cồ Việt - Hai Bà Trưng - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 38684695

*3.15. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

- Địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 38269557 - 024. 38269556

- Fax: 024. 38248036

*3.16. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Đài truyền hình Việt Nam*

- Địa chỉ: Số 43 Nguyễn Chí Thanh - Ngọc Khánh - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 38316891

- Fax: 024. 38316803

*3.17. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Đài tiếng nói Việt Nam*

- Địa chỉ: Số 58 Quán Sứ - Hà Nội

- Điện thoại: 024. 38255694

- Fax: 024. 39349486

*3.18. Trung tâm báo tin động đất và cảnh báo sóng thần*

- Trục ban: 024 37918272 - Fax: 024 37914593

*3.19. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*

STT	Cơ quan	Điện thoại	FAX
1	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Quảng Trị	0233.3562568 0233.3585656	0233.3563004
2	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thừa Thiên - Huế	0234.3822519 0234.3849123	0234.3824480
3	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng	0236.3626222	0236.3626223
4	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Quảng Nam	0235.3852473	0235.3852476
5	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Đắk Lắk	0262.3956927	0262.3958473

STT	Cơ quan	Điện thoại	FAX
6	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Quảng Ngãi	0255.6255588 0255.3713133	0255.3825488
7	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bình Định	0256.3646855 0256.3646919	0256.3647229 0256.3535239
8	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Phú Yên	0257.3842173 0257.2210845	0257.3842174
9	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Khánh Hòa	0258.3523613	0258.3523648
10	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Gia Lai	0269.3824352 0269.3719497	0269.3872749
11	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Kon Tum	0260.3864364 0260.3864585	0260.3864585
12	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Đắk Nông	0261.3546805	0261.3544918
13	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Đồng Nai	0251.3825771	0251.3816130 0251.3827393
14	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bình Thuận	0252. 3821837 0252.3823337	0252.3824172
15	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Lâm Đồng	0263.822451	0263.3836485
16	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3711833 0254.3828999	0254.3711833

STT	Cơ quan	Điện thoại	FAX
17	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bình Dương	0274.3829389	0274.3829955 0274.3828999
18	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bình Phước	0271.3885568 0271.3870281	0271.3885086
19	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Tây Ninh	0276.3824324 0276.3811183	0276.3825570
20	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Đồng Tháp	0277.3851092 0277.6289884	0277.3853028
21	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Ninh Thuận	0259.3823345	0259.3823474
22	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Vĩnh Long	0270.3823228	0270.3827635
23	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Cần Thơ	0292.3830156	0292.3830155
24	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Long An	0272.3521750	0272.3522400
25	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Tiền Giang	0273.3855108	0273.3855338
26	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Trà Vinh	0294.3840113	0294.3852249
27	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bến Tre	0275.3825619	0275.3825294



STT	Cơ quan	Điện thoại	FAX
28	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn An Giang	0296.3852935	0296.3857573
29	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Kiên Giang	0297.3813315 0297.3813319	0297.3813314
30	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Cà Mau	0290.3830800	0290.3837103
31	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bạc Liêu	0291.3822477 0291.3824584	0291.3823317
32	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Sóc Trăng	0299.3825945	0299.3824040
33	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Hậu Giang	0293.3870010	0293.3870010
34	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Hòa Bình	0218.3987650 0218.3852309	0218.3853508
35	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Hà Giang	0219.3860699 0219.3867633	0219.3860237
36	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Lào Cai	0214.3820181	0214.3820191
37	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Phú Thọ	0210.3847393 0210.3846521	0210.3849939
38	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Sơn La	0212.3852132	0212.3853917

STT	Cơ quan	Điện thoại	FAX
39	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Lai Châu	0213.3876930	0213.3876931
40	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bắc Giang	0204.3854522	0204.3856913
41	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bắc Ninh	0222.3810278 0222.3822590	0222.3823358
42	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Lạng Sơn	0205.3812700	0205.3811326
43	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Cao Bằng	0206.3853618	0206.3858619
44	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Tuyên Quang	0207.3823759	0207.3821962
45	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thái Nguyên	0208.3737113	0208.3851318
46	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bắc Kạn	0209.3870655	0209.3873495
47	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Yên Bái	0216.3852708	0216.3855493
48	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Ninh Bình	0229.3871240	0229.3873615
49	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Hải Phòng	0225.3701986 0225.3712359	0225.3835892

STT	Cơ quan	Điện thoại	FAX
50	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Hải Dương	0220.3853731	0220.3852092
51	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Hưng Yên	0221.3863732	0221.3863733
52	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thanh Hóa	0237.3852405	0237.3851857
53	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Hà Nội	024.37185523 024.37199248	024.37199247
54	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Nghệ An	0238.3844729 0238.3589231	0238.3841386 0238.3591389
55	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Quảng Bình	0233.3585656 0233.3562568	0233.3563004
56	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Điện Biên	0215.3825851	0215.3825205
57	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Vĩnh Phúc	0211.3862518 0211.3728983	0211.3861721
58	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Quảng Ninh	0203.3634288	0203.3634268
59	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Hà Nam	0226.3852899	0226.3856894
60	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Nam Định	0228.3649217	0228.3646779

STT	Cơ quan	Điện thoại	FAX
61	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thái Bình	0229.3871240	0229.3873615
62	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Hà Tĩnh	0239.3856730 0239.3854263	0239.3857170
63	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh	028.38297598	028.38232742

#### 4. Đại diện các hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

STT	Hãng hàng không	Điện thoại	Khác
1	All Nippon Airways	028.38489495	
2	Asianna Airlines	028.38446714	
3	Cathay Pacific	028.38488955	
4	China Airlines	028.38486701	
5	China Southern	028.38488837	
6	Eva Airway	028.38445211	
7	Japan Airlines	028.38487018	
8	Jetstar Pacific Airlines	028.38485709	
9	Korean Airlines	028.38486702	
10	Lufthansa	028.38279830	
11	Malaysia Airlines	028.38440096	
12	Philippines Airlines	028.39205999 024.37474848	
13	Shanghai Airlines	028.39330777	
14	Singapore Airlines	028.35470430 35470431 024.38865545	
15	Thai Airways	028.38209169 024.38840530	
16	United Airlines	028.38488659	

STT	Hãng hàng không	Điện thoại	Khác
17	Vietnam Airlines	028.38446667 024.38272354	
18	Nga	024.37718742	
19	JETSTA-PIC	024.35844323	

## 5. Các đơn vị quân đội liên quan

### 5.1. Các Quân khu

- Tác chiến Quân khu I: Tel - 069.861165 - 069.861161 - 098.2911458

- Tác chiến Quân khu II: Tel - 069.892164 - 098.2383776

- Tác chiến Quân khu III: Tel - 069.813165 - 098.4452825

- Tác chiến Quân khu IV: Tel - 0238.3561533 - 069.789165 - 098.3624667

- Tác chiến Quân khu V: Tel - 069.775308 - 069.775407 - 098.4065467

- Tác chiến Quân khu VII: Tel - 069.665049 - 069.665050 - 097.3496689

- Tác chiến Quân khu IX: Tel - 069.629164 - 069.629165 - 091.8619514

- Bộ Tư lệnh Thủ đô: Tel - 069.525134 - 069.525135 - 098.4413605

- Quân đoàn 1: Tel - 069.695817 - 069.801165 - 096.5776386

- Quân đoàn 2: Tel - 069.849165 - 069.849299 - 098.3638757

- Quân đoàn 3: Tel - 069.729165 - 069.729299 - 091.4033846

- Quân đoàn 4: Tel - 069.666027 - 093.7259260

*5.2. Quân chủng Phòng không, Không quân*

- Trục ban Tác chiến: Tel - 069.562226 -  
069.562219 - 098.7411860

*5.3. Quân chủng Hải quân*

- Trục ban Tác chiến: Tel - 069.815165 -  
069.815183 - 038.9986277

*5.4. Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng*

- Trục ban Tác chiến: Tel - 069.518027 -  
069.555387 - 035.8871961

*5.5. Binh chủng Công binh*

- Trục ban Tác chiến: Tel - 069.556369 -  
069.512214 - 091.3300028

*5.6. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển*

- Trục ban Tác chiến: Tel - 069.567115 -  
069.567116 - 094.6447475

*5.7. Binh chủng Thông tin liên lạc*

- Trục ban Tác chiến: Tel - 069.588999

*5.8. Binh chủng Hóa học*

- Trục ban Tác chiến: Tel - 069.5111008 -  
069.873915

*5.9. Binh chủng Pháo binh*

- Trục ban Tác chiến: Tel - 069.556427 -  
069.585165

*5.10. Tổng công ty Trục thăng Việt Nam*

Tổng đài: 024.38525740 - 024.38530706

- Công ty bay miền Bắc: 024.38771410 -  
024.38771411

- Công ty bay miền Nam: 0254.3838301 -  
0254.3838573

*Phụ lục II*

**CÁC BẢNG MÃ VÀ TÍN HIỆU  
TRONG HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM CỨU NẠN**

**I. TÍN HIỆU NHẬN BIẾT GIỮA ĐƠN VỊ CỨU  
NẠN VÀ NGƯỜI BỊ NẠN**

**Bảng 1: Những tín hiệu hạ cánh dùng cho  
thủy thủ và người đang gặp nạn trên xuồng  
nhỏ hướng dẫn tàu bay hạ cánh**

	TÍN HIỆU TAY	TÍN HIỆU ÁNH SÁNG	TÍN HIỆU KHÁC	Ý NGHĨA
Tín hiệu ban ngày	Chuyển động theo phương thẳng đứng của cờ hiệu trắng hoặc của cánh tay	Hoặc tín hiệu cháy hình ngôi sao màu xanh lục	Hoặc mã chữ K được phát đi bằng tín hiệu ánh sáng hoặc âm thanh	Đây là địa điểm thích hợp nhất để hạ cánh
Tín hiệu ban đêm	Chuyển động theo phương thẳng đứng của đèn hoặc đuốc hiệu màu trắng	Hoặc tín hiệu cháy, hình ngôi sao màu xanh lục	Hoặc mã chữ K được phát đi bằng tín hiệu ánh sáng hoặc âm thanh	

**Bảng 2: Tín hiệu trả lời của trạm cứu sinh hoặc đơn vị cứu nạn hàng hải đối với tín hiệu cấp cứu của tàu hoặc người bị nạn**

	TÍN HIỆU TAY	TÍN HIỆU ÁNH SÁNG	TÍN HIỆU KHÁC	Ý NGHĨA
Tín hiệu ban ngày	Tín hiệu khói màu da cam	Tín hiệu kết hợp ánh sáng và âm thanh (sấm - sét) gồm ba tín hiệu đơn được bắn lên cách nhau 1 phút		
Tín hiệu ban đêm	Pháo hiệu màu trắng, hình ngôi sao (ba tín hiệu đơn, bắn lên cách nhau 1 phút)			

*Nếu cần thiết, các tín hiệu ban ngày có thể được dùng vào ban đêm hoặc ngược lại*



**Bảng 3: Chỉ dẫn về hướng có thể được bố trí bằng đèn hoặc đuốc hiệu sáng màu trắng thấp hơn và thẳng hàng với người quan sát**

	TÍN HIỆU TAY	TÍN HIỆU ÁNH SÁNG	TÍN HIỆU KHÁC
Tín hiệu ban ngày	Chuyển động của cờ hiệu trắng theo phương ngang hoặc chuyển động của hai cánh tay co, duỗi theo phương ngang	Hoặc tín hiệu cháy, hình ngôi sao màu đỏ	Hạ cánh xuống đây rất nguy hiểm
Tín hiệu ban đêm	Chuyển động của đèn hoặc đuốc theo phương ngang	Hoặc tín hiệu cháy, hình ngôi sao màu đỏ	
Tín hiệu ban ngày	1. Chuyển động theo phương ngang một cờ hiệu màu trắng và tiếp theo là 2. Đặt lá cờ màu trắng xuống đất và 3. Cầm một lá cờ trắng khác chỉ hướng an toàn	1. Hoặc tín hiệu được bắn thẳng đứng, hình ngôi sao, màu đỏ, cháy sáng 2. Dùng tín hiệu hình ngôi sao màu trắng bắn về hướng hạ cánh tốt hơn	Hạ xuống đây rất nguy hiểm, một vị trí thích hợp hơn ở hướng đã được chỉ
Tín hiệu ban đêm	1. Chuyển động theo phương ngang một đèn hoặc đuốc hiệu màu trắng và tiếp theo là 2. Đặt đèn hoặc đuốc hiệu xuống đất 3. Cầm một đèn hoặc đuốc hiệu khác chỉ hướng đã được xác định	1. Hoặc tín hiệu được bắn thẳng lên, hình ngôi sao, màu đỏ, cháy sáng 2. Dùng tín hiệu hình ngôi sao màu trắng để chỉ hướng hạ cánh thích hợp	Hạ xuống đây rất nguy hiểm, một vị trí thích hợp hơn ở hướng đã được chỉ

**Bảng 4: Các tín hiệu được sử dụng kết hợp với thiết bị cứu sinh bờ**

	TÍN HIỆU TAY	TÍN HIỆU ÁNH SÁNG	TÍN HIỆU KHÁC	Ý NGHĨA
Tín hiệu ban ngày	Chuyển động theo chiều thẳng đứng của cờ hiệu màu trắng hoặc của cánh tay	Hoặc tín hiệu cháy sáng hình ngôi sao màu xanh		Tổng quát: An toàn Cụ thể: - Đường pháo hiệu - Cầu trúc cao được giữ chặt - Cáp được
Tín hiệu ban đêm	Chuyển động theo chiều thẳng đứng của đèn hiệu hoặc đuốc hiệu màu trắng	Hoặc tín hiệu cháy sáng hình ngôi sao màu xanh		
Tín hiệu ban ngày	Chuyển động theo phương ngang của cờ hiệu màu trắng hoặc cánh tay dang rộng theo phương ngang	Hoặc tín hiệu cháy sáng hình ngôi sao màu đỏ		Tổng quát: Nguy hiểm Cụ thể: - Nới lỏng - Dừng kéo
Tín hiệu ban đêm	Chuyển động theo phương ngang của đèn hiệu hoặc đuốc hiệu màu trắng	Hoặc tín hiệu cháy sáng hình ngôi sao màu đỏ		Tổng quát: Nguy hiểm Cụ thể: - Nới lỏng - Dừng kéo

## II. TÍN HIỆU ĐƯỢC TÀU BAY THAM GIA HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM CỨU NẠN SỬ DỤNG ĐỂ HƯỚNG DẪN TÀU ĐI TỚI NƠI CÓ PHƯƠNG TIỆN HAY NGƯỜI GẶP NẠN

**Bảng 5: Tín hiệu không đối đất nhìn thấy được**

TÀU BAY THỰC HIỆN THEO THỨ TỰ NHỮNG HÀNH ĐỘNG SAU			Ý NGHĨA
1. Bay vòng tròn quanh tàu ít nhất một vòng	2. Bay cắt hướng dự kiến của tàu, hạ thấp độ cao và lắc cánh	3. Bay theo hướng chỉ dẫn cho tàu	Tàu bay đang hướng dẫn tàu đi đến nơi có tàu hoặc người gặp nạn  (Lập lại các tín hiệu trên có ý nghĩa tương tự)
4. Bay ngang qua tàu, dừng lại ở đằng lái và lắc cánh  <i>Chú ý:</i> Có thể tăng tốc, giảm tốc, nhồi sóng chân vịt... để gây chú ý thay vì lắc cánh. Tuy nhiên, vì tiếng ồn trên boong tàu, tín hiệu loại này ít có tác dụng so với tín hiệu biểu kiến (lắc cánh)			Việc trợ giúp tàu bây giờ là không cần thiết  (Lập lại các tín hiệu trên có ý nghĩa tương tự)

**Bảng 6: Sử dụng những tín hiệu đất đối không sau bằng cách phát tín hiệu thích hợp từ boong tàu hoặc trên mặt đất**

NHỮNG TÍN HIỆU ĐƯỢC TÀU SỬ DỤNG ĐỂ LIÊN LẠC VỚI TÀU BAY TÌM KIẾM CỨU NẠN			Ý NGHĨA
Kéo cờ “đáp” hoặc	Đổi hướng, hướng mới là hướng được chỉ dẫn	Phát tín hiệu mã Morse “T” bằng đèn tín hiệu	Xác nhận rằng đã nhận được tín hiệu của tàu bay
Kéo cờ hiệu quốc tế chữ “N” (NOVEMBER) hoặc		Phát tín hiệu mã Morse “N” bằng đèn tín hiệu	Báo hiệu rằng không có khả năng thực hiện theo

**Bảng 7: Các tín hiệu đất đối không nhìn thấy được**

THÔNG BÁO	CÁC TÍN HIỆU NHÌN THẤY ĐƯỢC THEO QUY ĐỊNH CỦA ICAO-IMO
Yêu cầu trợ giúp	V
Yêu cầu chăm sóc y tế	X
Không hoặc phủ định	N
Được hoặc khẳng định	Y
Đi theo hướng này	↑

STT	NỘI DUNG THÔNG DIỆP	KÝ HIỆU	STT	NỘI DUNG THÔNG DIỆP	KÝ HIỆU
1	Đã hoàn thành công việc	<b>LLL</b>	5	Chia thành hai nhóm, mỗi nhóm tiến theo hướng chỉ	
2	Chúng ta phải tìm tất cả mọi người	<b><u>LL</u></b>	6	Không thấy, tiếp tục tìm	<b>NN</b>
3	Chúng ta chỉ phải tìm một số người	<b>+ +</b>	7	Thông tin tiếp nhận cho thấy, tàu bay theo hướng này	<b>→→</b>
4	Chúng ta không thể tiếp tục, trở lại nơi xuất phát	<b>XX</b>			

**Bảng 8: Các tín hiệu không đối đất nhìn thấy được**

TÍN HIỆU PHẢN HỒI TỪ TÀU BAY KHI TÀU BAY PHÁT HIỆN NHỮNG TÍN HIỆU TRÊN DO NGƯỜI HOẶC TÀU BỊ NẠN PHÁT RA					Ý NGHĨA
Thả thông báo hoặc	Nghiêng cánh (vào ban ngày) hoặc	Phát tín hiệu đèn hạ cánh hoặc đèn bay hai lần (ban đêm) hoặc	Phát tín hiệu mã Morse “T” hoặc “R” bằng ánh sáng hoặc	Dùng những tín hiệu phù hợp khác	Đã hiểu thông báo

TÍN HIỆU PHẢN HỒI TỪ TÀU BAY KHI TÀU BAY PHÁT HIỆN NHỮNG TÍN HIỆU TRÊN DO NGƯỜI HOẶC TÀU BỊ NẠN PHÁT RA				Ý NGHĨA
Bay thăng, giữ thăng bằng và độ cao hoặc	Phát tín hiệu mã Morse “RPT” bằng ánh sáng hoặc	Dùng những tín hiệu phù hợp khác		Không hiểu thông báo (Đề nghị lặp lại)

**Bảng 9: Các tín hiệu do những người bị nạn sử dụng**

NHỮNG HÀNH ĐỘNG DO TÀU BAY THỰC HIỆN		Ý NGHĨA
Thả thông báo, hoặc	Thả thiết bị liên lạc thích hợp để thiết lập kênh liên lạc trực tiếp	Tàu bay muốn thông báo hoặc chỉ dẫn những người bị nạn

NHỮNG TÍN HIỆU DO NHỮNG NGƯỜI BỊ NẠN SỬ DỤNG ĐỂ ĐÁP LẠI THÔNG TIN TỪ TÀU BAY		Ý NGHĨA
Phát tín hiệu mã Morse “T” hoặc “R” bằng ánh sáng hoặc	Sử dụng bất kỳ tín hiệu nào thích hợp	Những người bị nạn đã hiểu thông báo được thả xuống
Phát tín hiệu mã Morse “RPT” bằng ánh sáng		Những người bị nạn không hiểu thông báo được thả xuống

## Bảng 10: Tín hiệu từ mặt đất lên không trung



Cần trợ giúp về y tế



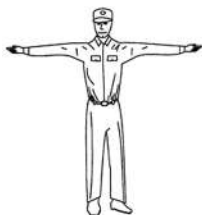
Tốt rồi, dừng chờ  
đợi nữa



Có thể tiến hành chậm rãi  
Chờ đợi để thực hiện



Sử dụng từng  
thông điệp



Cần trợ giúp về cơ khí



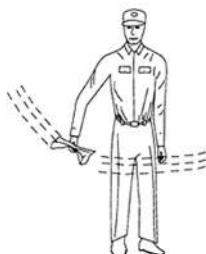
Bờ ở đây



Vớt chúng tôi lên  
bờ ở đây



Đã nhận thấy  
hành động



Phủ định  
(không)



Khẳng định  
(có)



Đừng cố gắng  
lên bờ ở đây

## Bảng 11: Tín hiệu từ không trung xuống mặt đất

Message received and understood by aircraft

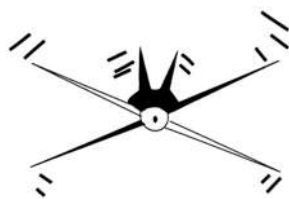
Day or moonlight - Rocking wings

Night - Green flashed from signal lamp.

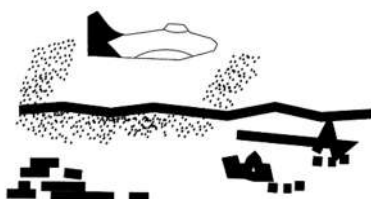
Message received and NOT understood by aircraft

Day or moonlight - Making a complete right-hand circle

Night-Red flashes from signal lamp.



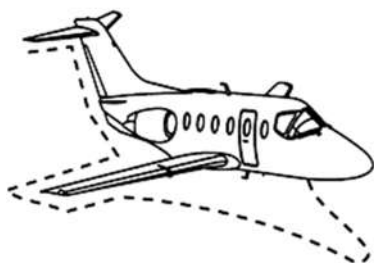
**Đã nhận và hiểu thông điệp**



**Đã nhận và không hiểu thông điệp**

Affirmative reply from aircraft:

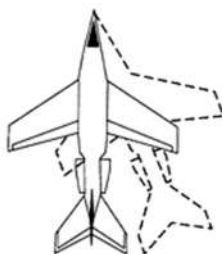
Negative reply from aircraft:



**AFFIRMATIVE (YES)**

Dip nose of plane several times

**Khẳng định**



**NEGATIVE (NO)**

Fishtail plane

**Phủ định**



*Phụ lục III*

**TẦN SỐ SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH CẤP CỨU,  
AN TOÀN, TÌM KIẾM, CỨU NẠN**

**BẢNG 1: TẦN SỐ DƯỚI 30 MHz**

<b>Tần số (kHz)</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
490	Tần số 490 kHz là tần số dành riêng cho thông tin an toàn hàng hải (MSI) sử dụng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.
518	Tần số 518 kHz là tần số dành riêng cho hệ thống phát và thu tự động thông tin an toàn hàng hải bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.
2174,5	Tần số 2174,5 kHz là tần số dành riêng cho phát bản tin cứu nạn và an toàn hàng hải bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.
2182	<p>Tần số 2182 kHz là tần số cấp cứu hàng hải quốc tế sử dụng phương thức điều chế biên độ đơn biên với sóng mang nén (J3E).</p> <p>Tần số này cũng được sử dụng để:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi và bắt liên lạc theo quy trình quy định tại Điều 57- Thẻ lệ vô tuyến điện của Liên minh viễn thông Quốc tế.</li><li>- Phát thông báo hoặc phát danh sách liên lạc như khuyến nghị ITU-R M.1171.</li></ul> <p>Sử dụng trong hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng không dân dụng và trên biển.</p>

<b>Tần số (kHz)</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
2187,5	Tần số 2187,5 kHz là tần số dành riêng cho các cuộc gọi cấp cứu và an toàn hàng hải sử dụng phương thức gọi chọn số.
3023	Tần số 3023 kHz được sử dụng như sau: - Các đài di động tham gia hoạt động tìm kiếm và cứu nạn sử dụng cho mục đích cấp cứu và an toàn hàng không bằng phương thức thoại. - Dùng để thông tin liên lạc giữa các đài di động tham gia vào hoạt động tìm kiếm và cứu nạn, và giữa các đài này với các đài mặt đất tương ứng theo quy định của Phụ lục 27 - Thể lệ thông tin vô tuyến điện của Liên minh viễn thông Quốc tế bằng phương thức thoại.
4125	Tần số 4125 kHz là tần số phát thông tin cấp cứu và an toàn hàng hải bằng phương thức thoại. Các đài tàu bay cũng có thể sử dụng để liên lạc với các đài thuộc nghiệp vụ di động hàng hải với mục đích cấp cứu và an toàn, bao gồm cả tìm kiếm và cứu nạn với công suất bao đỉnh không vượt quá 1kW và phải có khả năng thu và phát loại phát xạ J3E.
4177,5	Tần số 4177,5 kHz là tần số dành riêng cho phát bản tin cứu nạn và an toàn hàng hải bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.
4207,5	Tần số 4207,5 kHz là tần số dành riêng cho gọi cấp cứu và an toàn hàng hải bằng phương thức gọi chọn số.
4209,5	Tần số 4209,5 kHz được sử dụng dành riêng cho hệ thống phát và thu tự động thông tin an toàn hàng hải bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.

<b>Tần số (kHz)</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
4210	Tần số 4210 kHz là tần số dành riêng cho truyền dẫn bản tin an toàn hàng hải (MSI) ở các vùng biển xa, chiều từ bờ tới tàu, bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.
5680	Tần số 5680 kHz được sử dụng như sau: - Các đài di động tham gia hoạt động tìm kiếm và cứu nạn sử dụng cho mục đích cấp cứu và an toàn hàng không bằng phương thức thoại. - Dùng để thông tin liên lạc giữa các đài di động tham gia vào hoạt động tìm kiếm và cứu nạn, và giữa các đài này với các đài mặt đất tương ứng theo quy định của Phụ lục 27 - Thể lệ thông tin vô tuyến điện của Liên minh viễn thông Quốc tế bằng phương thức thoại.
6215	Tần số 6215 kHz được sử dụng như sau: - Phát thông tin cấp cứu và an toàn hàng hải bằng phương thức thoại. - Gọi, bắt liên lạc bằng phương thức thoại đơn biên với công suất bao đỉnh không vượt quá 1 kW.
6268	Tần số 6268 kHz là tần số dành riêng cho phát bản tin cứu nạn và an toàn hàng hải bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.
6312	Tần số 6312 kHz là tần số dành riêng cho các cuộc gọi cấp cứu và an toàn hàng hải bằng phương thức gọi chọn số.
6314	Tần số 6314 kHz là tần số dành riêng cho truyền dẫn bản tin an toàn hàng hải (MSI) ở các vùng biển xa, chiều từ bờ tới tàu, bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.

<b>Tần số (kHz)</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
6973	Tần số 6973 kHz là tần số liên lạc giữa đồn biên phòng và tàu thuyền bằng phương thức thoại.
7903	Tần số 7903 kHz là tần số cấp cứu hàng hải quốc gia sử dụng phương thức thoại đơn biên. Tàu thuyền được phép gọi bất liên lạc trên tần số này.
7906	Tần số 7906 kHz là tần số phát thông tin an toàn hàng hải (MSI) và các thông báo liên quan đến phòng chống thiên tai, an toàn, an ninh trên biển; thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước bằng phương thức thoại.
8291	Tần số 8291 kHz là tần số phát thông tin cấp cứu và an toàn hàng hải bằng phương thức thoại.
8294	Tần số 8294 kHz là tần số phát thông tin về áp thấp nhiệt đới, bão, lũ bằng phương thức thoại.
8376,5	Tần số 8376,5 kHz là tần số dành riêng cho phát bản tin cứu nạn và an toàn hàng hải bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.
8364	Tần số 8364 kHz là tần số dành cho hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng không dân dụng sử dụng phương thức thoại.
8414,5	Tần số 8414,5 kHz là tần số dành riêng cho các cuộc gọi cấp cứu và an toàn hàng hải sử dụng phương thức gọi chọn số.
8416,5	Tần số 8416,5 kHz là tần số dành riêng cho truyền dẫn bản tin an toàn hàng hải (MSI) ở các vùng biển xa, chiều từ bờ tới tàu bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.

<b>Tần số (kHz)</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
9339	Tần số 9339 kHz là tần số liên lạc giữa đồn biên phòng và tàu thuyền bằng phương thức thoại.
12251/ 13098	12251/13098 kHz là cặp tần số phát/thu giữa tàu - bờ và ngược lại để liên lạc giữa đài canh dân sự hải quân và tàu thuyền bằng phương thức thoại.
12290	Tần số 12290 kHz là tần số phát thông tin cấp cứu và an toàn hàng hải bằng phương thức thoại.
12520	Tần số 12520 kHz là tần số dành riêng cho phát bản tin cứu nạn và an toàn hàng hải bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.
12577	Tần số 12577 kHz là tần số dành riêng cho các cuộc gọi cấp cứu và an toàn hàng hải bằng phương thức gọi chọn số.
12579	Tần số 12579 kHz là tần số dành riêng cho truyền dẫn bản tin an toàn hàng hải (MSI) ở các vùng biển xa, chiều từ bờ tới tàu bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.
13434	Tần số 13434 kHz là tần số phát thông tin an toàn hàng hải (MSI) và các thông báo liên quan đến phòng chống thiên tai, an toàn, an ninh trên biển; thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước bằng phương thức thoại.
16420	Tần số 16420 kHz là tần số phát thông tin cấp cứu và an toàn hàng hải bằng phương thức thoại.
16695	Tần số 16695 kHz là tần số dành riêng cho phát bản tin cứu nạn và an toàn hàng hải bằng phương thức điện báo in trực tiếp băng hẹp.

<b>Tần số (kHz)</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
16804,5	Tần số 16804,5 kHz là tần số dành riêng cho các cuộc gọi cấp cứu và an toàn hàng hải bằng phương thức gọi chọn số.
16806,5	Các tần số này là tần số dành riêng cho truyền dẫn bản tin an toàn hàng hải (MSI)* ở các vùng biển xa, chiều từ bờ tới tàu, bằng phương thức điện báo in trực tiếp bằng hẹp.
19680,5	
22376	
26100,5	

**BẢNG 2: TẦN SỐ TRÊN 30 MHz**

<b>Tần số (MHz)</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
121,500	<p>Tần số 121,500 MHz là tần số sử dụng cho mục đích cấp cứu và khẩn cấp hàng không bằng phương thức thoại.</p> <p>- Tần số này cũng có thể sử dụng cho các đài cứu nạn. Phao vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp sử dụng tần số này cho mục đích cấp cứu và khẩn cấp theo quy định của Liên minh viễn thông quốc tế.</p>

---

\* MSI: Thông tin an toàn hàng hải (MSI) gồm các cảnh báo hàng hải và cảnh báo khí tượng, dự báo thời tiết biển, thông tin tìm kiếm cứu nạn và các thông báo liên quan đến an toàn và khẩn cấp khác.

Tần số (MHz)	Quy định sử dụng
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tần số này cũng được các đài di động tham gia vào hoạt động tìm kiếm, cứu nạn sử dụng cho mục đích cấp cứu và an toàn.</li> <li>- Tần số này cũng được sử dụng để liên lạc giữa đài di động thuộc nghiệp vụ di động hàng hải với các đài thuộc nghiệp vụ di động hàng không với mục đích cấp cứu và khẩn cấp, sử dụng phương thức phát điều chế biên độ song biên (A3E).</li> <li>- Tàu bay quân sự Việt Nam sử dụng tần số 121,500 MHz với phương thức phát điều biên để liên lạc hai chiều với tàu thuyền trên biển cho mục đích tìm kiếm và cứu nạn.</li> </ul>
123,100	<p>Tần số 123,100 MHz là tần số phụ của tần số cấp cứu, khẩn cấp hàng không 121,500 MHz.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tần số này cũng có thể sử dụng cho các đài thuộc nghiệp vụ di động hàng không, các đài mặt đất và đài di động khác khi tham gia vào hoạt động phối hợp tìm kiếm và cứu nạn.</li> <li>- Tần số này cũng được các đài di động tham gia vào hoạt động tìm kiếm, cứu nạn sử dụng cho mục đích cấp cứu và an toàn.</li> <li>- Các đài di động thuộc nghiệp vụ di động hàng hải có thể liên lạc với các đài thuộc nghiệp vụ di động hàng không trên tần số 123,100 MHz cho hoạt động phối hợp tìm kiếm và cứu nạn, sử dụng loại phát xạ A3E.</li> </ul>

<b>Tần số (MHz)</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
156,300	Tần số 156,300 MHz là tần số sử dụng cho thông tin liên lạc trong hoạt động tìm kiếm và cứu nạn hàng không dân dụng và trên biển. Tần số này cũng có thể được tàu bay sử dụng để liên lạc với các tàu thuyền cho mục đích an toàn.
156,425	Tần số 156,425 MHz là tần số liên lạc giữa đài canh dân sự hải quân và tàu thuyền bằng phương thức thoại.
156,525	Tần số 156,525 MHz là tần số gọi cấp cứu và an toàn hàng hải được sử dụng trong nghiệp vụ di động hàng hải bằng phương thức gọi chọn số.
156,650	Tần số 156,650 MHz là tần số liên lạc giữa tàu thuyền với tàu thuyền liên quan đến an toàn hàng hải sử dụng phương thức thoại.
156,800	Tần số 156,800 MHz là tần số sử dụng cho thông tin liên lạc cấp cứu và an toàn hàng hải bằng phương thức thoại. Ngoài ra, tần số 156,800 MHz có thể được các đài tàu bay sử dụng chỉ cho mục đích an toàn.
161,500	Tần số 161,500 MHz là tần số phát thông tin an toàn hàng hải (MSI) bằng phương thức thoại của Hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam.



<b>Tần số (MHz)</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
161,975	Tần số 161,975 MHz là tần số AIS*1, được sử dụng đối với các máy phát AIS tìm kiếm và cứu nạn (AIS-SART) trong hoạt động tìm kiếm và cứu nạn.
162,025	Tần số 162,025 MHz là tần số AIS 2, được sử dụng đối với các máy phát tìm kiếm và cứu nạn AIS (AIS-SART) trong hoạt động tìm kiếm và cứu nạn.
406- 406,1	Băng tần số này được dành riêng cho phao vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp qua vệ tinh (EPIRB) công suất thấp hướng từ trái đất đến vũ trụ.
1530- 1544	Ngoài việc sử dụng cho thông tin liên lạc, băng tần (1530-1544) MHz còn được sử dụng cho các mục đích cấp cứu và an toàn hàng hải chiều từ vũ trụ tới trái đất trong nghiệp vụ di động hàng hải qua vệ tinh. Thông tin cấp cứu, khẩn cấp và an toàn hàng hải GMDSS phải được ưu tiên trong băng tần này.
1544- 1545	Việc sử dụng băng tần 1544-1545 MHz (chiều từ vũ trụ tới trái đất) được hạn chế cho các hoạt động cấp cứu và an toàn, bao gồm các đường tiếp sóng của các vệ tinh cần phải chuyển tiếp các phát xạ của pha vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn

---

\* AIS là hệ thống nhận dạng tự động hàng hải để trao đổi thông tin giữa tàu thuyền với tàu thuyền và giữa tàu thuyền với bờ.

<b>Tần số (MHz)</b>	<b>Quy định sử dụng</b>
	cấp tới các đài trái đất và các đường thông tin băng hẹp (chiều từ vũ trụ tới trái đất) từ các đài không gian đến các đài di động.
1626,5- 1645,5	Ngoài việc sử dụng cho thông tin liên lạc, băng tần (1626,5-1645,5) MHz được sử dụng cho mục đích cấp cứu và an toàn hàng hải theo chiều từ trái đất tới vũ trụ trong nghiệp vụ di động hàng hải qua vệ tinh. Thông tin cấp cứu, khẩn cấp và an toàn hàng hải GMDSS được ưu tiên trong băng tần này.
1645,5- 1646,5	Việc sử dụng băng tần (1645,5-1646,5) MHz chiều từ trái đất tới vũ trụ được giới hạn cho các hoạt động cấp cứu và an toàn.
9200- 9500	Băng tần số này được các bộ phát đáp radar (SARTS) sử dụng nhằm tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm và cứu nạn.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5

### *PHẦN I*

QUY CHẾ PHỐI HỢP TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRÊN BIỂN VÀ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN	7
<i>Chương 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</i>	7
<i>Chương 2: THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRÊN BIỂN VÀ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN</i>	14
<i>Chương 3: TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRÊN BIỂN</i>	19
<i>Chương 4: TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN</i>	30
<i>Chương 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN</i>	32
<i>Chương 6: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</i>	44

### *PHẦN II*

KỸ NĂNG TÌM KIẾM CỨU NẠN HÀNG HẢI	45
<i>Chương 1: TỔ CHỨC HỆ THỐNG TÌM KIẾM CỨU NẠN VIỆT NAM</i>	45
I. Tổ chức hệ thống tìm kiếm cứu nạn quốc gia	45

II. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên biển	50
<b>Chương 2: SỬ DỤNG THÔNG TIN LIÊN LẠC TRONG TÌM KIẾM CỨU NẠN</b>	55
I. Các hệ thống thông tin liên lạc hàng hải	55
II. Trang thiết bị thông tin liên lạc hàng hải	58
III. Các phương thức phát tín hiệu cấp cứu	60
<b>Chương 3: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DUY TRÌ SỰ SỐNG VÀ KỸ THUẬT CHỐNG CHÁY, CHỐNG THỦNG</b>	75
I. Các trang thiết bị sử dụng trong hoạt động cứu nạn	75
II. Một số phương pháp duy trì sự sống	78
III. Các trợ giúp trong hoạt động tìm kiếm cứu nạn	82
IV. Phương pháp chống chìm, chống cháy	88
<b>Phụ lục</b>	103
<i>Phụ lục I</i>	
<b>ĐẦU MỐI THÔNG TIN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TRONG HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM CỨU NẠN</b>	103
A. CÁC ĐƠN VỊ TÌM KIẾM CỨU NẠN CHUYÊN NGHIỆP	103
B. CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP LIÊN QUAN	107
<i>Phụ lục II</i>	
<b>CÁC BẢNG MÃ VÀ TÍN HIỆU TRONG HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM CỨU NẠN</b>	125

I. TÍN HIỆU NHẬN BIẾT GIỮA ĐƠN VỊ CỨU NẠN VÀ NGƯỜI BỊ NẠN	125
II. TÍN HIỆU ĐƯỢC TÀU BAY THAM GIA HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM CỨU NẠN SỬ DỤNG ĐỂ HƯỚNG DẪN TÀU ĐI TỚI NƠI CÓ PHƯƠNG TIỆN HAY NGƯỜI GẶP NẠN	129
<i>Phụ lục III</i>	
TẦN SỐ SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH CẤP CỨU, AN TOÀN, TÌM KIẾM, CỨU NẠN	135
BẢNG 1: TẦN SỐ DƯỚI 30 MHz	135
BẢNG 2: TẦN SỐ TRÊN 30 MHz	140

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM  
GIÁM ĐỐC NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI  
NGUYỄN MINH NHẬT

Biên tập nội dung:	VĂN THỊ THANH HƯƠNG NGUYỄN THỊ THẢO THÂN NGỌC ANH
Trình bày bìa:	ĐẶNG THU CHỈNH
Chế bản vi tính:	HOÀNG MINH TÁM
Sửa bản in:	NGUYỄN THỊ LƯƠNG
Đọc sách mẫu:	NGUYỄN THỊ THẢO



**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội**  
**ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn**

**TÌM ĐỌC SÁCH**  
**CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

- \* HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
- \* BỘ LUẬT HÀNG HẢI VIỆT NAM**
- \* LUẬT KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**



**SÁCH KHÔNG BÁN**